

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011**  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

# Mục lục

---

**3** Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

---

**5** Tổng quan Công ty, mục tiêu và chiến lược phát triển

---

**8** Báo cáo của Hội đồng quản trị

---

**11** Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

---

**18** Tổ chức nhân sự

---

**25** Thông tin cổ đông và Ban Quản trị Công ty

---

**33** Báo cáo của Ban Kiểm soát

---



## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

*Kính thưa các Quý cổ đông, quý khách hàng, quý nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên,*

Trong năm qua nền kinh tế thế giới vẫn bị ảnh hưởng nhiều bởi cuộc khủng hoảng, giá nhiều loại nguyên vật liệu cơ bản đầu vào cho sản xuất tăng cao khiến lạm phát tăng cao ở một số nước trong khu vực. Nền kinh tế trong nước cũng không tránh khỏi những khó khăn chung, việc thắt chặt chính sách tiền tệ, tài khóa để ngăn chặn lạm phát tăng cao và duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định trong năm 2011. Điều này đã làm khó khăn thêm cho các hoạt động của các doanh nghiệp trong nước.

Nhìn chung trong 5 năm (2006-2010) vừa qua, tốc độ tăng trưởng bình quân một năm 7%, trong đó công nghiệp và xây dựng đạt 8%/năm. Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng đóng góp trong GDP khoảng 41%. Năm 2011 tốc độ tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 5,9%, trong đó công nghiệp và xây dựng tăng 5,53%, mức tăng GDP đã giảm so với năm 2010 (6,78%).

Năm 2011, do tác động từ thị trường bất động sản, các dự án xây dựng gặp nhiều khó khăn nên ngành kinh doanh vật liệu xây dựng cũng bị ảnh hưởng lớn. Công ty cổ phần Hóa An đã sớm nhận định tình hình thị trường nên tập trung phát triển các khách hàng sẵn có và tích cực triển khai các mỏ để khai thác tích trữ sản phẩm. Tuy nhiên, năm 2011 doanh thu Công ty đạt 228,6 tỷ đồng, hoàn thành 94,58% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 38 tỷ đồng, hoàn thành 82% so với kế hoạch. Lợi nhuận năm 2011 giảm 29% so với năm 2010 chủ yếu do chi phí lãi vay tăng cao, tăng gấp 4 lần so với năm trước.

Bước sang năm 2012, tiếp tục được đánh giá là năm có nhiều khó khăn cho Công ty, Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong lĩnh vực kinh doanh của mình và tích cực triển khai các mỏ sẵn có theo hướng tiết kiệm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Dự kiến doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2012 lần lượt đạt 276 tỷ đồng, chiếm 121,49% so với năm 2011; lợi nhuận sau thuế đạt 38,6 tỷ đồng, chiếm 100,21% so với năm 2011. Tôi tin tưởng rằng, với sự phát triển thương hiệu bền vững, uy tín ngày hôm nay và tiếp tục nhờ sự ủng hộ, tin tưởng và hợp tác của Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh và nỗ lực không ngừng phát triển của Cán bộ công nhân viên, Ban lãnh đạo và Hội đồng Quản trị Công ty trong tương lai, Công ty sẽ phát triển và hoàn thành tốt kế hoạch năm 2012.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Hóa An, tôi xin được thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đến sự quan tâm và hỗ trợ tích cực của các ban ngành hữu quan, sự tin tưởng và ủng hộ của các quý vị cổ đông, các nhà đầu tư và đối tác, và đặc biệt là sự nỗ lực không ngừng của tập thể nhân viên Công ty trong những năm qua và phát huy hơn nữa trong những năm tiếp theo.

*Tp. Biên Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2011*

**ĐINH LÊ CHIẾN**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

# TỔNG QUAN CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



## Giới thiệu chung

Tên tiếng việt : Công ty Cổ Phần Hóa An

Tên tiếng anh : HOA AN JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : HAJSC

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703000008 ngày 08 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần 1 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03/11/2010.

Trụ sở chính : Ấp Cầu Hang - Xã Hóa An - TP. Biên Hòa- Tỉnh Đồng Nai

Sàn giao dịch : HOSE

Mã giao dịch : DHA

Tel : 061-3954491 - 061-3954458 -061-3954754

Fax : 061-3954754

Website : www.hoaaan.com.vn

Email : info@hoaaan.com.vn

## Lịch sử hình thành và phát triển

**01/09/1980** Tách thành Xí nghiệp đá Hóa An, Công suất thiết kế ban đầu 50.000 m3 đá các loại

**11/08/1984** Nâng sản lượng khai thác lên 200.000 m3/năm

**12/02/1993** Thành lập Xí nghiệp Khai thác đá Hóa An, với vốn điều lệ 1.858.000.000 đồng.

**12/11/1994** Nâng công suất khai thác từ 200.000 m3/năm thành 500.000 m3/năm

**27/03/1995** Đổi tên thành Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An, trực thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1

**1996** Công ty nâng cấp thiết bị, đầu tư mua máy nghiền Allis (Hoa Kỳ) trị giá 1,1 triệu USD (12 tỷ đồng) với công suất 240 tấn/giờ, máy khoan thủy lực XL635 (3,7 tỷ đồng), máy xúc Volvo L90 C Thụy Điển (1,6 tỷ đồng), công suất 2,5 m3/gầu.

**1998** Thành lập thêm Xí nghiệp 2 khai thác đá tại xã Suối Trầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, mỏ có trữ lượng 5,5 triệu m3 và có khả năng khai thác 200.000 m3/năm.

**1999** Công ty nhận chuyển nhượng lại quyền khai thác mỏ Núi Gió, Tỉnh Bình Phước, có công suất khai thác tối đa 250.000 m3/năm

**01/2001** UBND Tỉnh Đồng Nai cấp phép cho Công ty nâng công suất khai thác lên 1.000.000 tấn/năm tại mỏ Đá Hóa An tới năm 2010

**18/4/2000** Chuyển thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 25 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Bộ xây dựng tiến hành cổ phần hóa toàn bộ Công ty

<b>15/04/2004</b>	Cổ phiếu Công ty (DHA) chính thức giao dịch tại Sở GDCK TP.HCM. Vốn điều lệ là 38,5 tỷ đồng
<b>2006</b>	Sản lượng sản xuất công nghiệp của Công ty đạt 1.230.000 m3, tổng doanh thu đạt 83,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 22,6 tỷ đồng
<b>10/9/2007</b>	UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 100.996.700.000 VND
<b>2008</b>	Được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen và được chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất
<b>2009</b>	Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc.
<b>2010</b>	Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc.  Đơn vị có Báo cáo thường niên tốt nhất tại cuộc bình chọn BCTN năm 2010.  UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 151.199.460.000 VND

## Ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác và chế biến khoáng sản.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Đầu tư kinh doanh hạ tầng, nhà ở, bến bãi, kho hàng.
- Xuất khẩu VLXD và tư vấn trong lĩnh vực VLXD.
- Nhận thầu xây lắp công trình dân dụng công nghiệp giao thông thủy lợi.
- Dịch vụ vận chuyển, du lịch, dịch vụ khai thác.

## Các sản phẩm của Công ty

Đá nguyên khai từ các mỏ đá của Công ty được chế biến theo các quy cách sản phẩm tiêu biểu như sau: (hoặc theo yêu cầu đặt hàng của khách hàng)

Quy cách sản phẩm	Công dụng
Đá 1x1, 1x2	Trộn bê tông xây nhà, cầu đường
Đá 2x4, 4x6, 5x7, v.v	Đúc móng nền, lót đường
Đá mi, đá bụi (thứ phẩm đi kèm)	Đổ bê tông mịn, lát mặt đường (nhựa nóng), san lấp mặt bằng, làm gạch bông

Sản phẩm đá 1x1 và 1x2 được Công ty chú trọng sản xuất. Các quy cách sản phẩm 2x4, 4x6 và 5x7 ... sẽ được sản xuất khi có yêu cầu của khách hàng và khi thống kê phân tích sẽ được tiến hành quy đổi sang đá 1x2. Các sản phẩm đá mi và đá bụi là thứ phẩm đi kèm theo trong quá trình chế biến (nghiền) đá nguyên khai ra các quy cách ở trên. Tỷ lệ theo thứ phẩm này chiếm khoảng từ 25% -30%.

## Quá trình thay đổi vốn điều lệ

	Thời điểm tăng	Hình thức tăng vốn	Số vốn tăng thêm	VĐL sau khi tăng
Vốn điều lệ ban đầu				25.000.000.000
Tăng lần 1	2005	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	10.000.000.000	35.000.000.000
Tăng lần 2	2006	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	3.500.000.000	38.500.000.000
Tăng lần 3	2007	Phát hành thêm và chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	28.565.000.000	67.065.000.000
Tăng lần 4	2008	Phát hành thêm và chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	33.931.700.000	100.996.700.000
Tăng lần 5	2010	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	50.202.760.000	151.199.460.000

Đvt: đồng



## Sứ mệnh

Cung cấp sản phẩm chất lượng tốt với chính sách giá cả hợp lý, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng là tiêu chí hoạt động lâu dài.

Góp phần tạo lên sự gắn kết và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.

## Tầm nhìn

Hướng đến doanh nghiệp khai thác đá xây dựng chất lượng hàng đầu tại các tỉnh khu vực phía Nam

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Tình hình hoạt động của Công ty

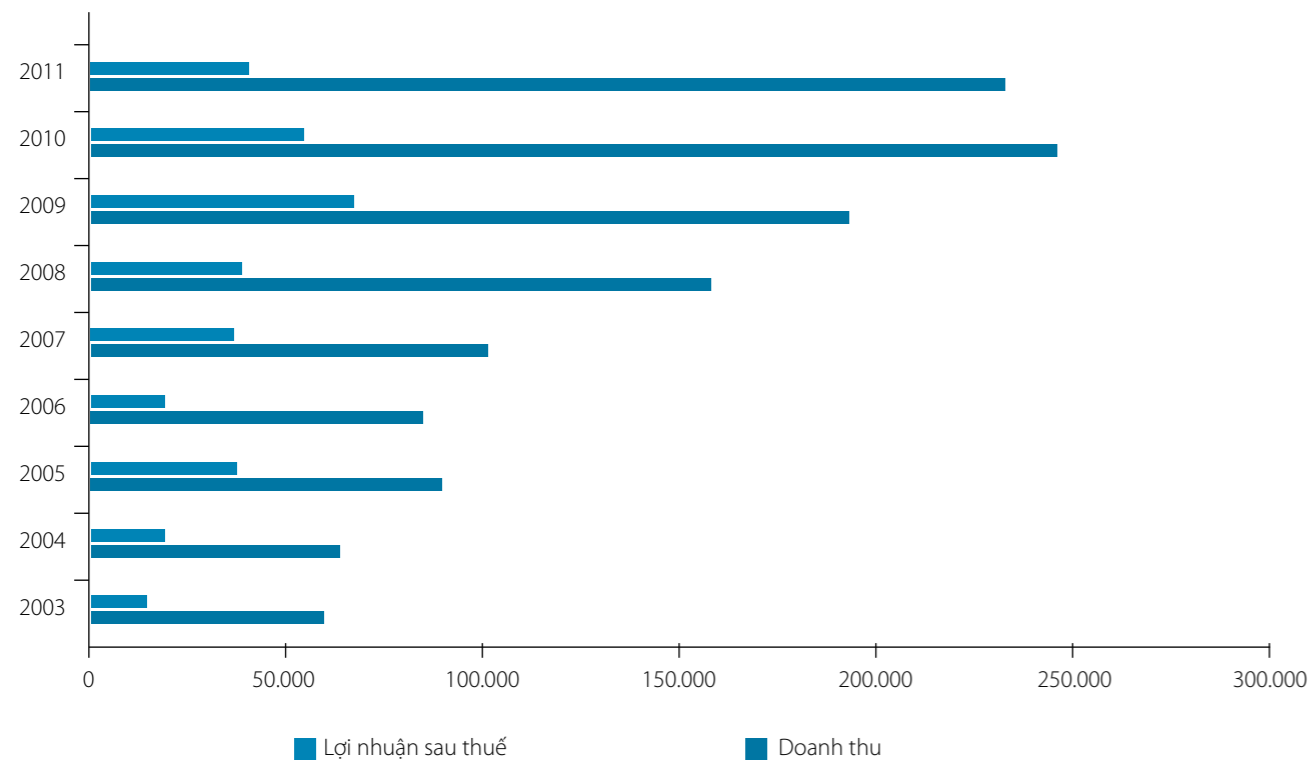
Trong năm 2011, nền kinh tế trong nước có nhiều biến động phức tạp, khó khăn. Ngành bất động sản trong năm suy giảm mạnh, nhiều công trình đang triển khai dở dang cũng tạm dừng, các công trình mới thì gần như không khởi công. Điều này khiến đơn hàng giảm mạnh so với năm 2010. Ban lãnh đạo Công ty cũng đã chỉ đạo kịp thời các chính sách kích thích tiêu thụ nhưng vẫn chưa hoàn thành kế hoạch năm 2011 do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để ra. Cụ thể tổng doanh năm 2011 đạt 228,6 tỷ đồng, hoàn thành 94,58% so với kế hoạch, đạt 92,6% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế năm 2011 đạt 38,5 tỷ đồng, hoàn thành 82% so với kế hoạch và đạt 71,4% so với năm trước

*Đvt: 1.000 đồng*

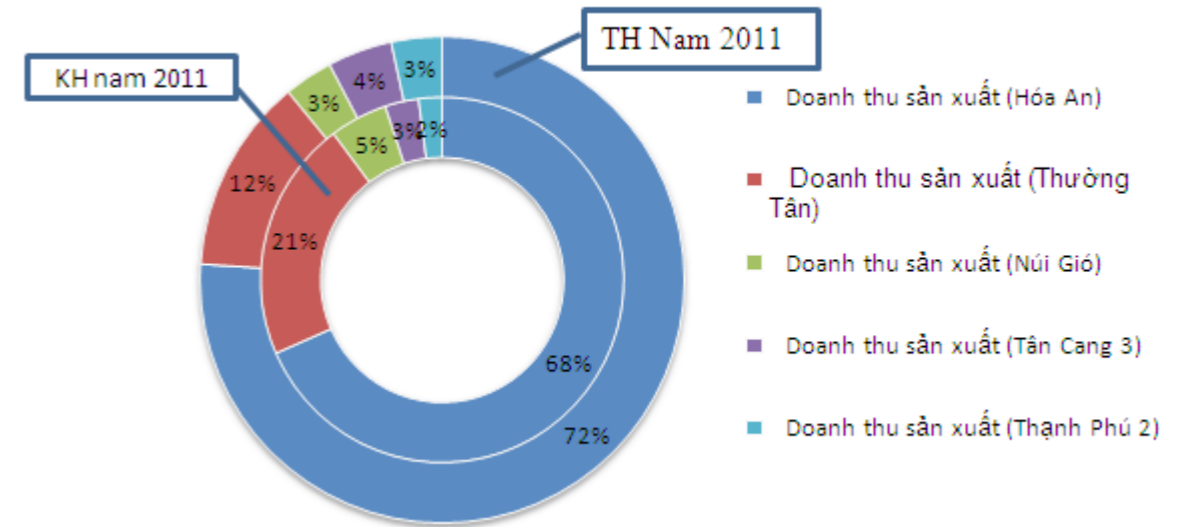
Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011		Tỷ lệ	
		Kế hoạch	Thực hiện	% TH 2011/ 2010	%TH/ KH 2011
Tổng sản lượng tiêu thụ	1.847.732	2.050.740	1.501.263	81,2%	73,21%
Tổng doanh thu	246.909.562	241.750.260	228.646.626	92,6%	94,58%
Lợi nhuận sau thuế	53.969.822	47.007.252	38.559.045	71,4%	82,0%
Thu nhập b/q người/đồng/tháng	7,9	7,8	7,0	88,6%	89,7%

## Biểu đồ Doanh thu và Lợi nhuận các năm 2003 - 2011

*ĐVT: Triệu đồng*



## Cơ cấu doanh thu các mỏ Kế hoạch – Thực hiện năm 2011



Tình hình kinh tế suy giảm khiến cho các công trình xây dựng giảm mạnh, do vậy sản lượng tiêu thụ năm 2011 đạt 1.501 ngàn m<sup>3</sup>, hoàn thành 73,21% so với kế hoạch để ra. Trong đó, mỏ Hóa An đạt 925 ngàn m<sup>3</sup>, mỏ Thường Tân đạt 330 ngàn m<sup>3</sup> chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản lượng tiêu thụ của Công ty. Mỏ Núi Gió trong năm 2010 bị tạm ngưng do một phần nằm trong vị trí quy hoạch của Tỉnh. Tuy nhiên, sang năm 2011 Công ty đã ký hợp đồng khai thác vị trí mới và tháng 6/2011 Công ty triển khai ký hợp đồng khoan thăm dò bổ sung và chuyển đổi nâng cấp trữ lượng, nâng công suất mỏ lên 1.000.000m<sup>3</sup>/năm, nâng trữ lượng khai thác lên 7,5 triệu m<sup>3</sup>. Do vậy, việc khai thác mỏ Núi Gió đã đi vào ổn định và cho sản phẩm tiêu thụ từ năm 2011. Mỏ Núi Gió có chất lượng đá tốt dự kiến sẽ đem lại tỷ suất lợi nhuận cao cho Công ty trong các năm sau.

Tổng doanh thu năm 2011 giảm 8% so với năm trước do sản lượng tiêu thụ giảm trong khi giá bán hầu như không tăng trong năm. Lợi nhuận giảm 29% so với năm trước, lợi nhuận giảm một phần cũng do chi phí lãi vay tăng cao.

Trước tình hình thị trường nhiều biến động, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc luôn nhất trí để ra những chính sách giá cả linh hoạt theo giá thị trường trong từng thời điểm nhằm đạt hiệu quả hoạt động kinh doanh cao nhất.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty cổ phần Hóa An, với vai trò đại diện cho các cổ đông của DHA, đã làm việc nỗ lực, để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao.

- Các thành viên HĐQT luôn tâm huyết với Công ty, đoàn kết nhất quán trong công việc, tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo vì lợi ích của cổ đông và tập thể người lao động, theo dõi chỉ đạo sâu sát các công việc của Ban điều hành Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến với Ban điều hành và xây dựng nghị quyết sát với thực tế, giúp Ban điều hành giải quyết tốt các công việc. Tạo mọi điều kiện để Tổng giám đốc điều hành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Luôn tư duy, suy nghĩ tìm tòi những định hướng phát triển cho Công ty, để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định và lâu dài.
- Công tác kế hoạch SXKD: thông qua kế hoạch SXKD năm 2011, HĐQT đã chỉ đạo kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh theo diễn biến của tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, để đạt được hiệu quả cao nhất với những thời điểm khó khăn trong việc thực hiện các kế hoạch đã được ĐH đồng cổ đông giao.
- Công tác đầu tư: theo dõi và chỉ đạo sát sao tiến độ các dự án, phê duyệt đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị tại các dự án, bổ nhiệm cán bộ quản lý...

#### Mục tiêu thực hiện trong năm 2012

- Tập trung triển khai các biện pháp tổ chức thực hiện NQ ĐHCĐ năm 2012, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 và phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu.
- Công ty cũng đã có công tác chuẩn bị cho việc ngưng sản xuất tại mỏ Hóa An, tính đến thời điểm hiện tại khối lượng đá hỗn hợp dự trữ từ mỏ Hóa An còn khoảng 478 ngàn m<sup>3</sup>. Công ty đã trồng cây xanh và làm hàng rào B40 để đóng cửa mỏ vào ngày 31/3/2012 theo quy định của UBND tỉnh. Trong năm 2012, Công ty tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án, đầu tư cải tạo thành khu du lịch và nhà ở.
- Tăng cường năng lực sản xuất tiêu thụ tại các mỏ đã đi vào hoạt động như mỏ đá Thường Tân, Núi Gió, Tân Cang 3 và Thạnh Phú 2:
- Hiện mỏ đá Thường Tân tiếp tục có lãi trong năm 2011. Tuy nhiên do tình hình chung của khu vực nên tiêu thụ chậm, mỗi tháng tiêu thụ bình quân chỉ đạt 31.917 m<sup>3</sup> đá các loại, chỉ bằng khoảng 65% so với năm ngoái (50.000 m<sup>3</sup>/tháng). Tuy nhiên, khi thị trường khởi sắc thì mỏ Thường Tân sẽ mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty.
- Mỏ đá Núi Gió đã đi vào hoạt động ổn định, hiện chất lượng đá tự nhiên của mỏ rất tốt. Công ty đã lắp thêm máy nghiền để đa dạng sản phẩm vào ngày 15/12/2011, nâng cao sản lượng đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh trong năm 2012.
- Mỏ đá Tân Cang 3 đang tiến hành bóc đất phủ, chất lượng đá tự nhiên của mỏ tốt. Nhìn chung sản lượng tiêu thụ tại mỏ này tốt và Công ty đang tìm kiếm theo khách hàng tại khu vực lân cận để gia tăng sản lượng tiêu thụ. Công ty sẽ tiếp tục triển khai khai thác trong thời gian tới. Tuy nhiên, do mỏ Tân Cang 3 đang trong bóc tầng đất phủ nên chưa mang lại lợi nhuận cho Công ty trong năm nay.
- Mỏ Thạnh Phú 2: Đầu tháng 5/2011 đã nổ mìn bãi đầu tiên và hoàn thiện 2 hệ thống nghiền sàng cùng các cơ sở hạ tầng của mỏ. Các máy nghiền đã cho ra sản phẩm từ đầu quý 4/2011 và đã mang lại lợi nhuận cho công ty trong năm nay.

#### Mục tiêu dài hạn

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ khai thác, sản xuất, tiêu thụ tại các mỏ Công ty đang sở hữu.
- Trong khu vực miền Đông Nam bộ thì Đồng Nai là một trong những tỉnh dồi dào về tài nguyên khoáng sản đặc biệt là khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Do đó, ngoài những mỏ đang triển khai khai thác, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, khảo sát và nghiên cứu thêm mỏ đá khác tại Tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận khác, để mở rộng quy mô hoạt động ngang tầm với công ty.
- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác mỏ truyền thống, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa nguồn doanh thu.
- Công ty cũng tiến hành triển khai dự án "xây dựng điểm du lịch và nhà ở" tại khu mỏ đá Hóa An cũ trong thời gian tới.





# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Báo cáo tình hình tài chính

### Chỉ số tài chính

	Năm 2010	Năm 2011
<b>1 Khả năng thanh toán</b>		
Khả năng thanh toán hiện thời	2,1	2,0
Khả năng thanh toán nhanh	1,4	1,3
<b>2 Cơ cấu tài sản</b>		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	68,4%	66,9%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	31,6%	33,1%
<b>3 Cơ cấu nguồn vốn</b>		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	15,5%	16,8%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	84,5%	83,2%
<b>4 Chỉ số sinh lợi</b>		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	23%	18%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	14%	10%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	17%	12%
<b>5 Thu nhập/cổ phiếu</b>		
Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	5.156	2.560

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011

## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### Hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: 1.000 đồng

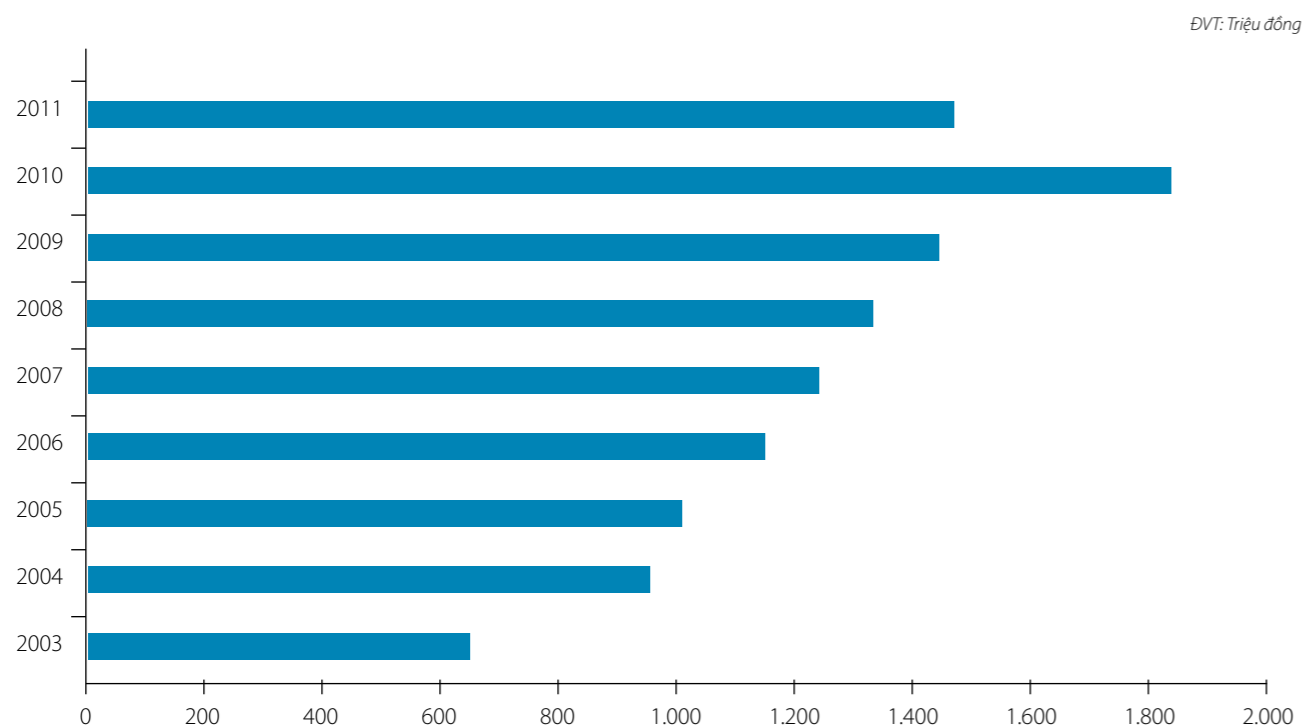
Các chỉ tiêu thực hiện	Thực hiện 2010	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ %	
				TH 2011/TH 2010	TH 2011/KH 2011
<b>1. Sản phẩm các loại: (Đvt: m3)</b>	<b>1.847.732</b>	<b>2.050.740</b>	<b>1.501.263</b>	<b>81%</b>	<b>73,21%</b>
<i>Trong đó:</i>					
+ mỏ Hóa An (các loại SP)	1.371.841	1.070.000	925.117	67%	86,46%
+ mỏ Thường Tân (các loại SP)	475.891	723.240	330.445	69%	45,69%
+ mỏ Núi Gió (các loại SP)		90.500	43.930		48,54%
+ mỏ Tân Cảng 3 (các loại SP)		70.000	102.103		145,86%
+ mỏ Thạnh Phú 2 (các loại SP)		97.000	99.668		102,75%
<b>2. Tổng doanh thu (Đvt: 1.000đ)</b>	<b>246.909.562</b>	<b>241.750.260</b>	<b>228.646.626</b>	<b>93%</b>	<b>94,58%</b>
Doanh thu sản xuất (Hóa An)	202.280.009	164.520.000	164.919.006	82%	100,24%
Doanh thu sản xuất (Thường Tân)	34.028.286	51.586.760	28.273.584	83%	54,81%
Doanh thu sản xuất (Núi Gió)		12.350.000	7.046.272		57,05%
Doanh thu sản xuất (Tân Cảng 3)		7.144.000	9.339.262		130,73%
Doanh thu sản xuất (Thạnh Phú 2)		4.997.500	7.309.990		146,27%
Doanh thu HĐ tài chính	10.601.267	1.152.000	9.037.655	83%	784,50%
Doanh thu Bất động sản		0	2.587.500		#
Doanh thu khác		0	133.357		#
<b>4. Lợi nhuận trước thuế: (Đvt: 1.000đ)</b>	<b>70.492.482</b>	<b>62.676.377</b>	<b>47.040.089</b>	<b>67%</b>	<b>75,10%</b>
<b>5. Lợi nhuận sau thuế (Đvt: 1.000đ)</b>	<b>53.969.822</b>	<b>47.007.252</b>	<b>38.559.045</b>	<b>71%</b>	<b>82,00%</b>

Trong năm qua, tình hình kinh tế khó khăn, đầu tư công bị cắt giảm, thị trường bất động sản đóng băng đã ảnh hưởng trực tiếp sản lượng tiêu thụ của Công ty. Năm 2011 là năm duy nhất trong vòng 5 năm gần đây sản lượng tiêu thụ của Công ty giảm so với năm trước. Sản phẩm tiêu thụ của Công ty chủ yếu tiêu thụ tại các thị trường Tp.Hồ Chí Minh, các tỉnh Miền Đông Nam Bộ và Miền Tây Nam Bộ. Sản lượng tiêu thụ năm 2011 giảm 26,7% so với năm trước. Tuy nhiên, Công ty cũng đã nỗ lực thực hiện các chương trình khuyến khích cho khách hàng mua hàng như tặng phần trăm chiết khấu cho các khách hàng lớn, thường xuyên của Công ty. Tính từ năm 2005 – 2010 sản lượng tiêu thụ của Công ty luôn tăng trưởng và đạt trung bình khoảng 12%/năm. Năm 2011 do ảnh hưởng bởi thị trường chung khiến sản lượng tiêu thụ giảm, tuy vậy, Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang chuẩn bị sẵn sàng cho việc khai thác của các mỏ nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường khi ngành xây dựng khởi sắc.

### Bảng Tổng sản lượng tiêu thụ qua từng năm 2003 -2011 (Đvt: 1.000 m3)

Loại đá	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Tổng cộng	664	941	1.006	1.155	1.248	1.333	1.463	1.848	1.501

Biểu đồ tăng trưởng sản lượng qua từng năm 2003-2010 (1.000 m3)



EVT: Triệu đồng

Các khoản chi phí ảnh hưởng đến lợi nhuận 2010 của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2010	Tỷ trọng %/ doanh thu 2010	Năm 2011	Tỷ trọng %/ doanh thu 2011	% Tăng (+)/ Giảm (-)
Giá vốn hàng bán	146.493	62%	137.914	63%	1%
Chi phí bán hàng	8.542	4%	6.528	3%	-1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.303	8%	20.906	10%	2%
Chi phí khác	-	-	2.686	1%	1%
Tổng chi phí	173.338	73%	168.034	77%	3%
Doanh thu thuần	236.308	-	219.476	-	-

Evt: Triệu đồng

Một trong những chi phí chính đóng góp vào giá thành sản phẩm của doanh nghiệp ngành khoáng sản vật liệu xây dựng như chi phí nguyên vật liệu nổ, giá điện, xăng dầu, chi phí vận tải và một số chi phí logistics khác. Trong năm giá vật liệu nổ tăng (thuốc nổ tăng khoảng 15%, phụ kiện kèm theo tăng gần 18% so với giá cuối năm 2010), giá điện tăng bình quân 15,28% so với bình quân năm 2010, giá xăng dầu trong năm có giảm nhưng không đáng kể, làm cho tăng chi phí sản xuất đầu vào của Công ty, trong khi đó giá bán sản phẩm hầu như không tăng trong hơn một năm nay. Điều này khiến tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán trên doanh thu của Công ty cũng tăng từ 62% năm 2010 lên 63% năm 2011.

Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu của Công ty giảm từ 4% xuống còn 3% năm 2011 do trong năm Công ty chủ yếu phát triển các thị trường sẵn có của Công ty và tập trung khai thác bóc tầng đất phủ của các mỏ mới. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10% tổng doanh thu, tăng 2% so với năm 2010, chủ yếu là chi phí trả lương cho các cán bộ công nhân viên công ty tăng theo xu hướng tăng của thị trường lao động.

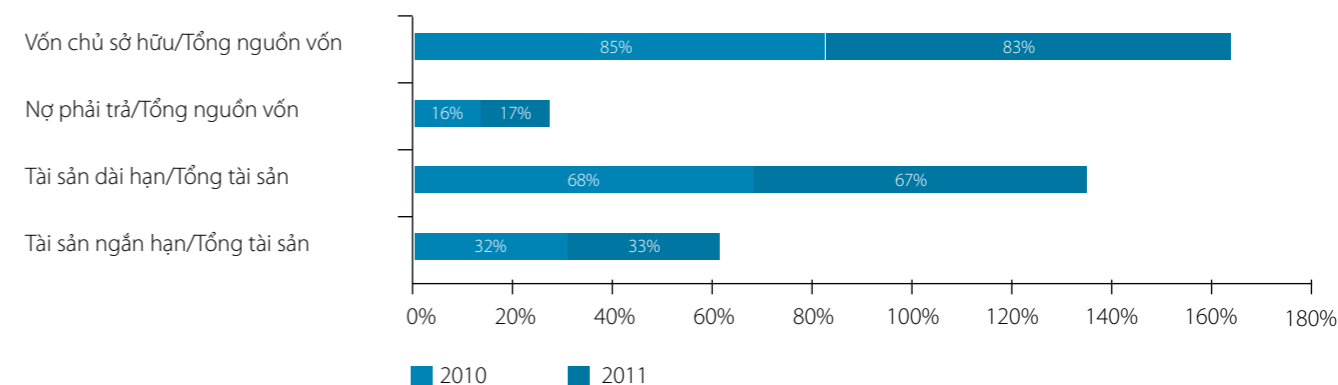
Chi phí tài chính Công ty năm nay chiếm 6% doanh thu thuần, tăng gấp 4 lần so với năm trước. Trong đó chi phí lãi vay là khoảng 8 tỷ đồng. Năm 2011 Công ty phải vay để đầu tư giai đoạn bao đầu cho việc khai thác các mỏ mới và đang bóc tầng đất phủ. Do đó, ngoài việc lãi suất tăng cao, Công ty cũng tăng khoản vay so với năm trước khiến chi phí lãi vay tăng cao. Trong khi đó, giá trị tầng đất phủ không cao nên khiến lợi nhuận Công ty cũng giảm so với năm trước là 29%.

Tuy nhiên, DHA luôn duy trì mức lợi nhuận biên khá cao, đạt trung bình 41% trong 5 năm trở lại đây (2005 – 2010) và đạt 37% trong năm 2011.

**Cơ cấu tài sản và nguồn vốn**

Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn	Đvt	Năm 2010	Năm 2011	Tăng (+)/giảm (-)
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	31,63%	33,14%	1,51%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	68,4%	66,86%	-1,54%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	15,5%	16,83%	1,33%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	84,5%	83,17%	-1,33%

Biểu đồ cơ cấu tài sản và nguồn vốn 2009 -2010



Nhìn chung cơ cấu nợ và tài sản của Công ty không thay đổi nhiều so với năm trước.

**Hoạt động đầu tư**

**Đầu tư vào các dự án:**

Trong năm 2011, chi tiết tiến độ đầu tư vào từng dự án được trình bày cụ thể như sau:

Tiến độ các dự án:

- **Mỏ đá Hóa An: tại TP.Biên Hòa, Đồng Nai**

Đến thời điểm 31/12/2011, tổng khối lượng tồn kho theo sổ sách còn lại là đá hỗn hợp 478.638 m3, đá 1x2 là 151.071 m3, đá Mi 201.044 m3.

Ngày 13/10/2011 UBND tỉnh có công văn số 7047/UBND-CNN về việc thỏa thuận địa điểm cho Công ty CP Hóa An lập thủ tục đầu tư xây dựng điểm du lịch và nhà ở sau khi ngưng hoạt động sản xuất tại mỏ đá Hóa An.

Công ty đã trồng cây xanh và làm hàng rào lưới B40 xung quanh mỏ được gần hoàn chỉnh, đang từng bước san ủi đáy moong để các ngành, cơ quan của tỉnh kiểm tra và cho gia hạn đóng cửa mỏ theo quy định vào ngày 31/03/2012, dự kiến chi phí cho việc thực hiện đóng cửa mỏ khoảng 3,5 tỷ.

Công ty đã thành lập ban quản lý dự án “xây dựng điểm du lịch và nhà ở” để thực hiện trong thời gian tới.

**Mỏ đá Thường Tân: xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương**

Tổng vốn đầu tư : 32,737 tỷ đồng. Tổng diện tích qui hoạch 41ha. Hiện Công ty đã mua được 31,64ha trong đó: diện tích mỏ 24,2ha, diện tích cảng 0,44ha, diện tích đường đi 3,2ha, diện tích văn phòng 0,9ha, diện tích sân CN 2,9ha; trữ lượng đã cấp phép 4,485 triệu m3. Giấy phép khai thác đến tháng 04/2015. Ước tính đến 31/12/2011 trữ lượng khai thác còn lại khoảng 3,04 triệu m3. Công ty đã làm các thủ tục và đã thăm dò COS-60 trình UBND tỉnh Bình Dương xin nâng cấp trữ lượng khai thác từ COS -30 lên COS -50, nhưng chưa được UBND tỉnh trả lời.

Đã đầu tư nâng cấp một trạm điện 630KVA lên 1250KVA để phục vụ thêm trạm nghiền sàng.

Do tình hình chung của khu vực, năm 2011 mỏ đá Thường Tân tiêu thụ chậm, mỗi tháng tiêu thụ b/q chỉ đạt 31.917m3 đá các loại. Chi nhánh đang tìm mọi biện pháp, tìm khách hàng để gia tăng sản lượng tiêu thụ trong các năm tiếp theo.

**Mỏ đá Núi Gió: xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước**

Tổng vốn đầu tư của mỏ Núi Gió là 18,365 tỷ đồng. Tổng diện tích mỏ 18,52ha, trữ lượng khai thác 5,87 triệu m3, công suất khai thác 200.000m3/năm, thời gian khai thác đến 08/2025. Tháng 06/2011 Công ty đã triển khai ký hợp đồng khoan thăm dò bổ sung và chuyển đổi nâng cấp trữ lượng, dự toán ký quỹ phục hồi môi trường, đánh giá tác động môi trường, nâng công suất mỏ lên 1.000.000m3/năm, nâng trữ lượng khai thác lên 7,5 triệu m3.

Trong năm 2011, Công ty đã đầu tư lắp đặt thêm 01 máy nghiền công suất 150T/h cho ra 5 loại SP, ngày 15/12 đi vào hoạt động, nhằm nâng cao hiệu quả SXKD chung của Công ty từ năm 2012.

**Dự án mỏ đá Tân Cang 3: xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**

Tổng vốn đầu tư mỏ Tân Cang 3 là 57,074 tỷ đồng. Tổng diện tích diện tích đã được cấp phép là 23,03 ha, trong đó diện tích khai thác là 21,74ha và 1,29 ha là diện tích phụ trợ, tổng trữ lượng khai thác 6,69 triệu m3, công suất khai thác 490.000m3/năm, thời gian khai thác đến tháng 03/2024.

Ngày 10/03/2011 công ty đã nổ mìn và cung cấp đá hỗn hợp để nghiền sàng. Công ty đã ký hợp đồng với đối tác lắp đặt 02 máy nghiền để sản xuất ra những sản phẩm đầu tiên là đá 1x2, đá Mi, đá 0x4... cung cấp cho thị trường khu vực này, nhìn chung công tác tiêu thụ tốt và đang tìm kiếm thêm khách hàng để gia tăng sản lượng tiêu thụ. Chất lượng đá tự nhiên của mỏ tốt.

Tình hình bóc đất phủ: Đầu tháng 01/2012 đối tác đã giao cho Công ty 01ha đưa vào khai thác, nâng tổng diện tích đang khai thác là 2,6ha. Công ty tiếp tục đơn đốc đối tác bóc đất phủ để bàn giao mặt bằng cho Chi nhánh khoan nổ mìn theo đúng tiến độ (dự kiến tháng 06/2012 sẽ bàn giao thêm 01ha).

**Dự án mỏ đá Thạnh Phú 2: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai**

Tổng vốn đầu tư của mỏ đá Thạnh Phú 2 là 78,295 tỷ đồng. Tổng diện tích diện tích đã được cấp phép là 24,97 ha, trong đó diện tích khai thác là 20,0ha và 4,97 ha là diện tích phụ trợ, tổng trữ lượng khai thác 8,78 triệu m3, công suất khai thác 1.000.000m3/năm, thời gian khai thác đến tháng 05/2020.

Ngày 18/02/2011 Công ty đã khởi công bóc đất tầng phủ trên diện tích 4,5ha và đã nghiệm thu để mở moong khai thác.

Đầu tháng 05/2011 đã nổ mìn bãi đầu tiên, hiện đã hoàn thiện 02 hệ thống nghiền sàng cùng các cơ sở hạ tầng của mỏ. Các máy nghiền đã cho ra sản phẩm từ đầu Quý 4/2011.

Công ty đã ký hợp đồng xây dựng đường điện trung thế, hạ thế và 02 trạm biến áp, mỗi trạm 1.250KVA để phục vụ các trạm nghiền, tháng 09/2011 đã nghiệm thu. Hợp đồng lắp đặt thêm trạm biến áp 630KVA để phục vụ bơm nước và khâu khoan đã xong và nghiệm thu tháng 01/2012.

Công ty đang kêu gọi đối tác tiến hành xây dựng bến thủy nội địa để đưa sản phẩm phục vụ cho thị trường miền Tây nam bộ.

**Hoạt động Marketing**

- Với thuận lợi về vị trí gần thị trường tiêu thụ, chất lượng đá Công ty thuộc loại tiêu chuẩn, có màu xanh đẹp hơn so với các mỏ lân cận, vì vậy mỏ của Công ty luôn được khách hàng tìm và biết đến, khách hàng thu mua sản phẩm tại kho ở mỏ đá của Công ty.
- Trong thời gian này, do một số mỏ khai thác của Công ty tại vị trí mới như Tân Cang 3, Thạnh Phú 2 nên Công ty cũng đang đẩy mạnh hoạt động tiếp thị cho các mỏ để các khách hàng biết đến.
- Ngoài những thị trường tiêu thụ truyền thống, Công ty tiến hành tiếp thị, giới thiệu sản phẩm mở rộng đến các tỉnh của Miền Tây Nam Bộ, Đồng Nam Bộ.

- Công ty luôn đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm bằng các hình thức giảm giá bán sỉ, khuyến mãi hoa hồng môi giới, thưởng tiêu thụ cuối năm.

**Chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2012**

Bảng kế hoạch sản lượng cho năm 2012

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Tỷ lệ (%) 2012/2011
<b>Tổng sản phẩm sản xuất trong năm(m3)</b>	<b>1.501.263</b>	<b>2.291.000</b>	<b>152,60%</b>
<i>Trong đó:</i>			
+ Mỏ Hóa An (các loại SP)	925.117	780.000	84,31%
+ Mỏ Thường Tân (các loại SP, không có đất phủ)	330.445	540.000	163,42%
+ Mỏ Núi Gió (đá hỗn hợp)	43.930	155.000	352,83%
+ Mỏ Tân Cang 3 (các loại SP)	102.103	264.000	258,56%
+ Mỏ Thạnh Phú 2 (các loại SP)	99.668	552.000	553,84%

Cơ cấu sản lượng tiêu thụ dự kiến của từng mỏ trong năm 2011



- Mỏ Thạnh Phú 2 (các loại SP)
- Mỏ Thành Tân (các loại SP, không có đất phủ)
- Mỏ Núi Gió (đá hỗn hợp)
- Mỏ Thạnh Phú 2 (các loại SP)
- Mỏ Thạnh Phú 2 (các loại SP)

**Bảng: Chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2012**

*Đơn vị: 1.000 đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Tỷ lệ (%) 2012/2011
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>227.662.394</b>	<b>276.598.352</b>	<b>121,49%</b>
	<i>Doanh thu sản xuất (Hóa An)</i>	<i>164.919.006</i>	<i>132.552.000</i>	<i>80,37%</i>
	<i>Doanh thu sản xuất (Thường Tân)</i>	<i>27.273.584</i>	<i>44.671.500</i>	<i>163,79%</i>
	<i>Doanh thu sản xuất (Núi Gió)</i>	<i>7.046.272</i>	<i>21.338.750</i>	<i>302,84%</i>
	<i>Doanh thu sản xuất (Tân Cang 3)</i>	<i>9.339.262</i>	<i>23.844.852</i>	<i>255,32%</i>
	<i>Doanh thu sản xuất (Thạnh Phú 2)</i>	<i>7.309.990</i>	<i>53.039.250</i>	<i>725,57%</i>
	<i>Doanh thu HĐ tài chính</i>	<i>9.053.423</i>	<i>1.152.000</i>	<i>12,72%</i>
	<i>Doanh thu bất thường (bán đất nền C. Thơ, DT khác)</i>	<i>2.720.857</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>
<b>3</b>	<b>Các khoản nộp ngân sách</b>	<b>24.364.177</b>	<b>34.000.000</b>	<b>139,55%</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận từ các mỏ đá và từ hoạt động tài chính</b>	<b>49.592.871</b>	<b>51.520.000</b>	<b>109,48%</b>
	<i>LN từ SXKD đá XD mỏ Hóa An</i>	<i>55.524.791</i>	<i>45.170.000</i>	<i>81,35%</i>
	<i>LN từ SXKD đá XD mỏ Thường Tân</i>	<i>1.873.587</i>	<i>2.700.000</i>	<i>144,11%</i>
	<i>LN từ SXKD đá XD mỏ Núi Gió</i>	<i>726.235</i>	<i>1.200.000</i>	<i>165,24%</i>
	<i>LN từ SXKD đá XD mỏ Tân Cang 3</i>	<i>-4.013.070</i>	<i>-2.200.000</i>	<i>-54,82%</i>
	<i>LN từ SXKD đá XD mỏ Thạnh Phú 2</i>	<i>15.893</i>	<i>4.050.000</i>	<i>25482,92%</i>
	<i>LN từ HĐTC (cho vay và KDCK)</i>	<i>-4.534.565</i>	<i>600.000</i>	<i>-13,23%</i>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>38.559.045</b>	<b>38.640.000</b>	<b>100,21%</b>
<b>6</b>	<b>Thu nhập b/q người lao động/tháng</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>	<b>100%</b>
<b>7</b>	<b>Cổ tức dự kiến</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>	<b>100%</b>

Lợi nhuận sản xuất kinh doanh đá xây dựng từ mỏ đá Tân Cang 3 bị âm do mỏ này chỉ mới khai thác bắt đầu trong năm 2011, do đó sản phẩm khai thác và tiêu thụ chưa đủ bù đắp chi phí đầu tư trong vài năm đầu. Dự kiến qua năm 2012, sau khi hoạt động khai thác của các mỏ đi vào ổn định và sản phẩm ở các tầng dưới chất lượng hơn sẽ mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho Công ty. Khi các mỏ hiện tại của Công ty đi vào hoạt động ổn định và khai thác hết công suất, sản lượng khai thác của Công ty sẽ lớn gấp 2 đến 3 lần sản lượng hiện tại.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính âm chủ yếu do chi phí lãi vay lớn.

### Đánh giá tình hình thị trường và Biện pháp thực hiện những mục tiêu đề ra

Nhìn chung, Chính phủ vẫn ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư nước ngoài trong dài hạn nên cầu về vật liệu xây dựng trong năm tới vẫn là rất lớn. Cụ thể sự phát triển xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng...không chỉ mang lại thị trường rộng lớn cho sự phát triển ngành xây dựng mà còn thúc đẩy phát triển ngành vật liệu xây dựng.

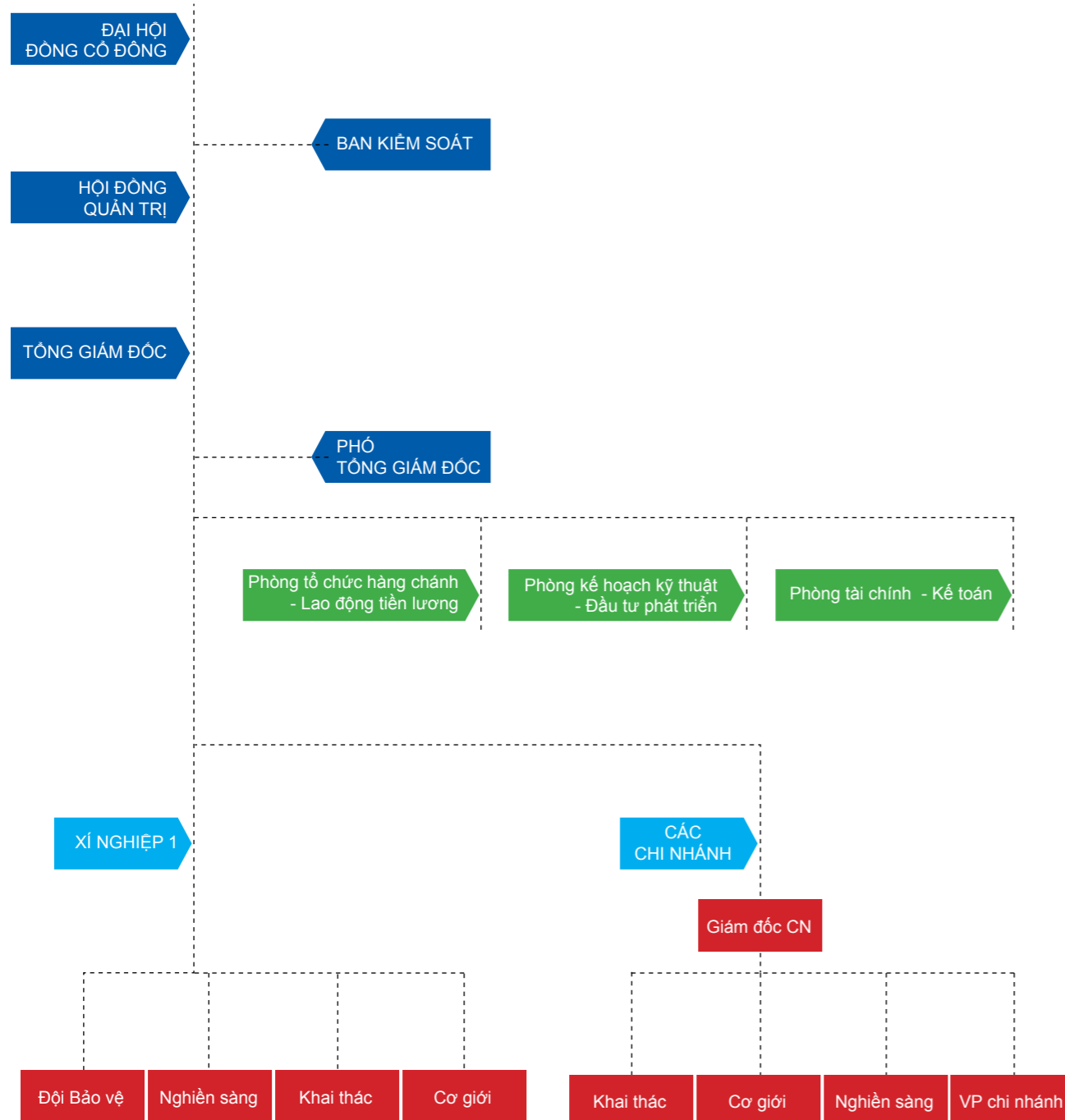
Đồng thời, nguồn tài nguyên khoáng sản hiện được khai thác theo quy hoạch vùng, do vậy nguồn cung hạn chế trong khi nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng. Dự kiến khu vực Tp.HCM và các vùng lân cận như Đồng Nai, Bình Dương, Long An...sẽ tiếp tục được đầu tư xây dựng thành đô thị vệ tinh trong vài năm tới. Như vậy, nhu cầu đá xây dựng còn khá lớn tại thị trường này - thị trường tiêu thụ chính của Công ty. Công ty tiếp tục đẩy nhanh tiến độ khai thác các mỏ như:

- Mỏ đá Thường Tân: Đẩy mạnh công tác khai thác cung cấp đầy đủ đá nguyên liệu cho khâu nghiền sàng ra thành phẩm. Tăng cường thêm thiết bị đồng bộ theo nhu cầu sản xuất. Đảm bảo mức tiêu thụ bình quân 45.000m<sup>3</sup>/tháng trở lên đá thành phẩm các loại. Ưu tiên sản xuất đá 1x2 do có giá trị hàng hóa cao, đảm bảo lợi nhuận KH trước thuế năm 2012 là 2,7 tỷ.

- Mỏ đá Núi Gió: đẩy mạnh khoan nổ mìn ra đá nguyên liệu và nghiền sàng ra sản phẩm, đa dạng chủng loại sản phẩm, tăng cường công tác tiếp thị để mở rộng thị trường tiêu thụ. Thúc đẩy việc khoan thăm dò bổ sung chuyển đổi cấp trữ lượng, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, nâng công suất mỏ lên 1 triệu m<sup>3</sup>/năm theo đúng tiến độ..
- Mỏ đá Tân Cang 3: thúc đẩy đối tác bóc đất phủ nhanh hơn so với tiến độ hợp đồng đã ký, kịp thời cho Công ty mở rộng moong khai thác trong mùa khô năm 2012, tăng lượng đá hỗn hợp để đáp ứng cho khâu nghiền sàng, nâng cao sản lượng sản phẩm đá 1x2, tăng cường công tác tiếp thị để mở rộng thị trường tiêu thụ. Ưu tiên sản xuất tiêu thụ sản phẩm đá 1x2, phấn đấu đạt bình quân 22.000m<sup>3</sup> đá các loại mỗi tháng.
- Mỏ đá Thạnh Phú 2: đầu tư xây dựng bến thủy nội địa trong thời gian sớm nhất, đẩy mạnh bóc đất phủ thêm 03ha trong 06 tháng đầu năm 2012, nâng tổng diện tích khai thác lên 7,5ha, lắp đặt máy bơm thoát nước mỏ và lắp đặt thêm máy nghiền sàng đá để gia tăng sản lượng trong năm 2012, đáp ứng đồng bộ đá nguyên liệu với năng lực thiết bị và thị trường tiêu thụ.
- Dự kiến lắp đặt hệ thống cân đá sản phẩm cho mỏ Thạnh Phú 2 vào đầu năm 2012.
- Mỏ Hóa An: thu hồi sản phẩm đã nổ mìn, sản phẩm tồn kho theo đúng qui định của Tỉnh, lập hồ sơ đóng cửa mỏ. Sử dụng thu hồi hết phần đá hỗn hợp dự trữ trên phần đất thuê của dân, chậm nhất hết quý IV/2012 phải xong và trả lại mặt bằng đất cho dân. Thúc đẩy các công việc liên quan với các cơ quan chức năng theo công văn số 7047/UBND-CNN, ngày 13/10/2011 của UBND tỉnh, để sớm đưa dự án "Xây dựng điểm du lịch và nhà ở" vào thực hiện

# TỔ CHỨC NHÂN SỰ

## Cơ cấu tổ chức của Công ty



## Ban quản trị Công ty

1	Ông <b>ĐINH LÊ CHIẾN</b> Năm sinh Trình độ văn hóa Trình độ chuyên môn	Thành viên Hội đồng quản trị 1965 12/12 Cử nhân quan hệ quốc tế
2	Ông <b>TRẦN VĂN TẾ</b> Năm sinh Trình độ văn hóa Trình độ chuyên môn	Thành viên Hội đồng quản trị 1951 12/12 Cao đẳng quốc gia thương mại
3	Ông <b>LẠI DUY HỒNG</b> Năm sinh Trình độ văn hóa Trình độ chuyên môn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc 1959 12/12 Kỹ sư mỏ địa chất, cử nhân kinh tế
4	Ông <b>TRỊNH TIẾN BẢY</b> Năm sinh Trình độ văn hóa Trình độ chuyên môn	Phó Tổng Giám đốc 1972 12/12 Kỹ sư cơ khí thủy lợi, thạc sĩ quản trị kinh doanh
5	Bà <b>LÊ THỊ QUYẾT</b> Năm sinh Trình độ văn hóa Trình độ chuyên môn	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng 1962 12/12 Cử nhân tài chính kế toán
6	Ông <b>TRẦN CÔNG HẠNH</b> Năm sinh Trình độ văn hóa Trình độ chuyên môn	Trưởng Ban kiểm soát 1960 12/12 Cử nhân tài chính kế toán
7	Ông <b>PHAN VĂN QUANG</b> Năm sinh Trình độ văn hóa Trình độ chuyên môn	Thành viên Ban kiểm soát 1965 12/12 Tài chính ngân hàng
8	Ông <b>NGUYỄN VĂN LƯƠNG</b> Năm sinh Trình độ văn hóa Trình độ chuyên môn	Thành viên Ban kiểm soát 1977 12/12 Cử nhân quản trị kinh doanh

## Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, và Kế toán trưởng

Căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị bất thường ngày 8/8/2011, Ông Đinh Lê Chiến - Ủy viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hóa An từ ngày 08/08/2011.

## Cơ cấu lao động và chính sách đối với người lao động

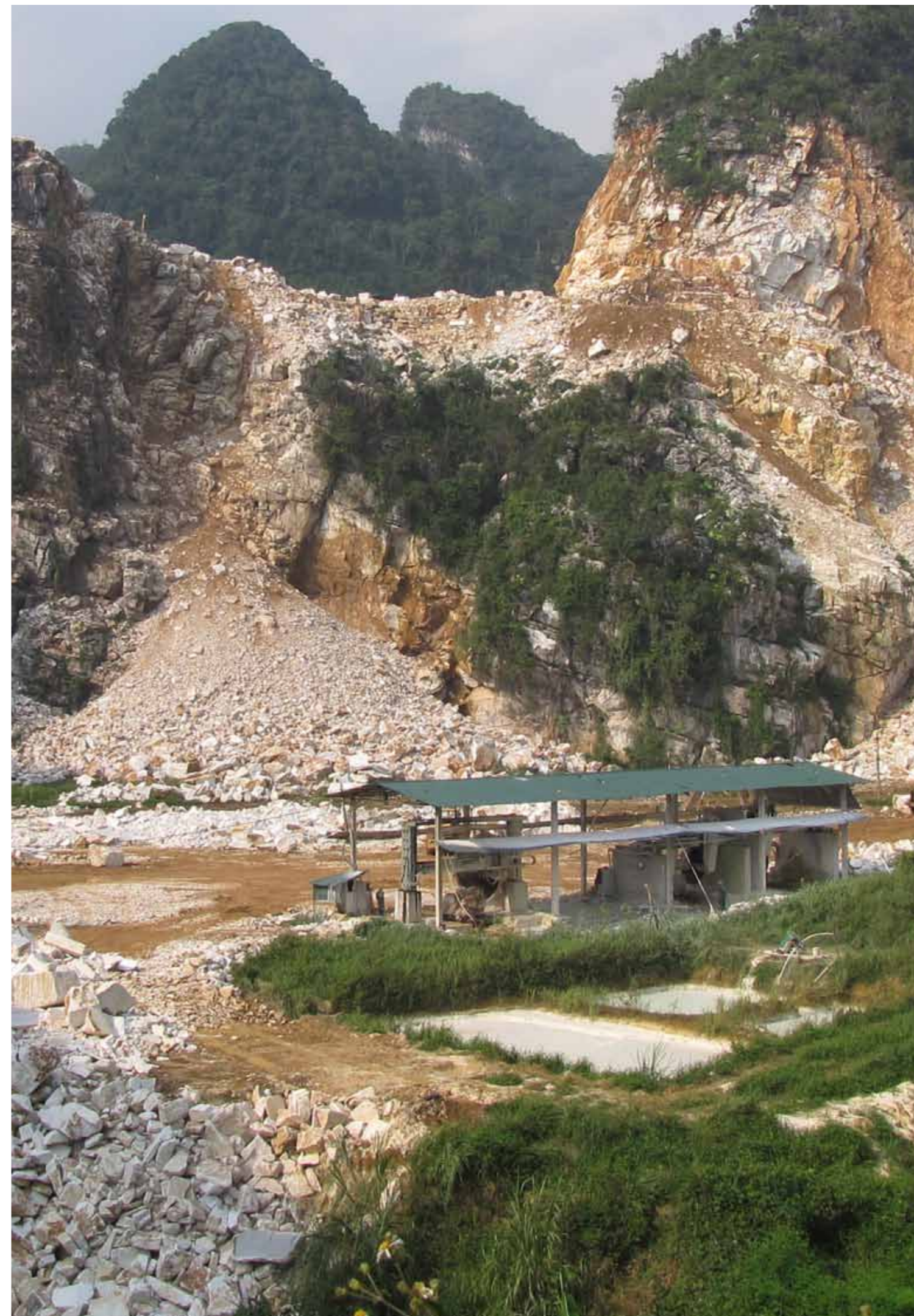
- Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến đến 31/12/2011 là 178 người.

Cơ cấu lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân theo trình độ</b>	<b>178</b>	<b>100%</b>
Đại học, trên Đại học	32	18%
Cao đẳng	2	1%
Trung cấp	43	24%
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	86	48%
<b>Lao động phổ thông</b>	<b>15</b>	<b>8%</b>
Phân theo hợp đồng lao động	178	100%
Không xác định thời hạn	167	94%
Xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	10	6%
Xác định thời hạn dưới 12 tháng	01	1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>178</b>	<b>100%</b>

- Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn chú trọng đến lợi ích của cán bộ công nhân viên công ty, đặc biệt là về vấn đề an toàn lao động. Do đặc thù của ngành khai thác mỏ, rủi ro lao động tiềm ẩn rất cao nên Công ty đã mua bảo hiểm của Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam cho lao động trực tiếp với mức phí cao nhất. Trang bị, cấp phát phương tiện bảo hộ lao động với cá nhân người lao động theo đúng quy định tại Quyết định số 68/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2008 và đóng BHXH theo đúng quy định của Nhà nước.

Ngoài ra, chính sách lương thưởng linh hoạt, lương tính theo đơn giá tiền lương sản phẩm sản xuất và tiêu thụ trong tháng. Trong năm 2011 mức thưởng đối với những người có mức lương công việc thấp nhất là 3.100.000 đồng/người và thu nhập bình quân năm 2011 là 7.000.000 đồng/người/tháng.



# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

## Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần, thù lao và tiền thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 22/04/2011 Công ty đã tiến hành chi trả Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 là xxx đồng. Trong đó, Hội đồng quản trị là xxx đồng; Ban kiểm soát là xxx đồng .

*Đvt: triệu đồng*

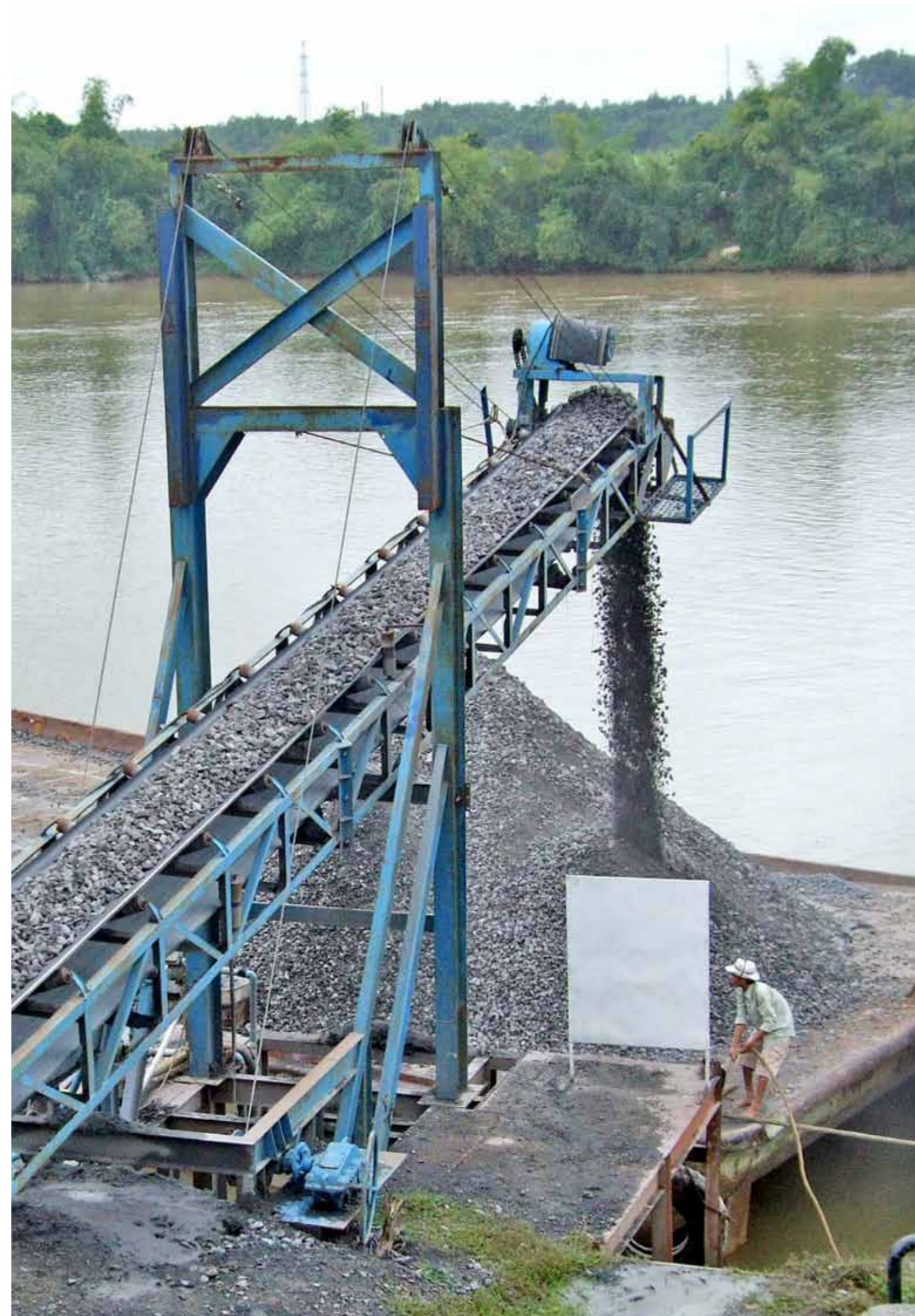
- Biến động giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2012:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ	Số lượng cp trước giao dịch	Thực hiện	Ngày công bố	Số lượng cp sau giao dịch
1	Đình Lê Chiến	Chủ tịch HĐQT	275.206	Mua 100.000	03/02/2012	375.206
2	Đình Lê Chiến	Chủ tịch HĐQT	225.206	Mua 50.000	27/12/2011	275.206

- Các dữ liệu thống kê về cổ đông chốt ngày 01/03/2012 để tổ chức ĐHCĐ:

Đối tượng	Số cổ phần (cp)	Tỷ trọng (%)
<b>A Cổ đông trong nước</b>		
Cá nhân	6.775.206	44,98
Tổ chức	4.507.788	29,93
<b>B Cổ đông nước ngoài</b>		
Cá nhân	1.133.995	7,53
Tổ chức	2.644.224	17,56
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.061.213</b>	<b>100</b>

- Tính đến ngày 31/12/2011, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là (129.822 cổ phiếu).



# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

## Về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh năm 2011 của Công ty Cổ phần Hóa An

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Hóa An.
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hóa An.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Hóa An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2011 tại Công ty cổ phần Hóa An.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2011 như sau:

## Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2011:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên gồm: 02 thành viên là cổ đông bên ngoài, 01 thành viên là cổ đông trong công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc; Kiểm tra giám sát HĐQT, Ban tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ: kiểm tra các báo cáo tài chính quý, năm trên cơ sở các chứng từ gốc và chứng từ kế toán, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính thể hiện trên các báo cáo tài chính của công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình là thực hiện kiểm tra kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành nhằm bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

## Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó có 2 thành viên kiêm nhiệm: 1 thành viên là Tổng giám đốc (Đại diện vốn nhà nước), 1 thành viên là kế toán trưởng công ty; 3 thành viên không kiêm nhiệm là cổ đông ngoài. Tháng 08/2011, ông Trần Phương Tùng- Chủ tịch HĐQT bị bệnh mất nên số thành viên HĐQT chỉ còn 4 người, HĐQT đã họp bất thường bầu nhân sự thay thế và ông Đinh Lê Chiến – TV HĐQT đã được HĐQT bầu giữ chức vụ CT HĐQT để đảm bảo hoạt động của công ty theo luật DN.

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để chỉ đạo tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, ra các nghị quyết liên quan đến việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, cụ thể:

- Đầu năm 2011 mỏ đá Hóa An ngừng hoạt động (sản lượng đá hỗn hợp tồn đến ngày 31/12/2010 là 1.070.639 m<sup>3</sup>) trong năm 2011 công ty tiếp tục chế biến ra đá thành phẩm; cuối năm 2011, sản lượng đá 1x2 còn tồn 154.812 m<sup>3</sup>, đá mi tồn 201.044 m<sup>3</sup>, riêng sản lượng đá hỗn hợp còn tồn tại mỏ đá Hóa An là 478.638 m<sup>3</sup> sẽ được tiếp tục chế biến trong năm 2012.
- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đưa vào sản xuất và trong năm 2011 các Mỏ đá núi gió, mỏ Tân Cang và mỏ Thạnh Phú 2 đều đã đi vào hoạt động.
- Trong năm 2011, HĐQT và Ban điều hành khẩn trương đẩy nhanh tiến độ xin cấp phép cho Công ty thực hiện dự án xây dựng khu du lịch sinh thái và nhà ở tại mỏ đá Hoá An sau khi mỏ phải ngưng khai thác theo chủ trương của Nhà nước (Dự án này thực hiện sau 31/12/2012 khi công ty ngừng hoạt động) và đã có QĐ chấp thuận về chủ trương chuyển đổi của UBND tỉnh Đồng Nai.

*Nhận xét đánh giá chung:* HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ trong quản lý điều hành hoạt động của công ty.

## Thẩm định báo cáo tài chính năm 2011

### Công tác tài chính kế toán, lập và kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính năm 2011:

Công ty thực hiện công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các số liệu tài chính được ghi nhận đầy đủ, chính xác từ việc tổng hợp số liệu chi tiết của các chứng từ gốc hợp pháp, hợp lý, hợp lệ; báo cáo quyết toán tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Hóa An được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chế độ quản lý tài chính do Bộ tài chính ban hành.

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011:

Báo cáo quyết toán tài chính năm 2011 của Công ty đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán, đã phản ánh trung thực và hợp lý kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch ( triệu đồng)	Thực hiện ( triệu đồng)	Thực hiện/kế hoạch (%)
Tổng sản lượng các loại (m <sup>3</sup> )	2.050.740	1.501.263	73,21%
1. Tổng doanh thu	241.750.260	228.662.394	94,58%
2. Lợi nhuận trước thuế	62.676.337	47.040.089	75,05%
3. Lợi nhuận sau thuế	47.000.252	38.559.045	82,04%
4. LNST / doanh thu	19,44%	16,42%	84,47%

Năm 2011, tình hình SXKD của công ty có nhiều khó khăn: chi phí vật liệu, điện, nhiên liệu, dịch vụ, lãi suất Ngân hàng... đều tăng dẫn đến chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cao hơn năm trước nhưng giá bán không tăng, các mỏ đá mới đi vào hoạt động chưa mang lại lợi nhuận; mặt khác, sản phẩm tiêu thụ chậm vì nhu cầu giảm do khó khăn chung của nền kinh tế trong nước, công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất tiêu thụ, doanh thu cũng như kết quả kinh doanh như trong kế hoạch đã đề ra

### Chi phí XDCB dở dang ( Các dự án đầu tư đang thực hiện ):

- **Mỏ đá Thường Tân:** Các chi phí dở dang chưa hạch toán tăng TSCĐ là 9,816 tỷ đồng. Trong năm 2011 mỏ có lãi 1,873 tỷ đồng
- **Mỏ đá Núi gió:** tháng 11/2010 mỏ đã chính thức đi vào hoạt động, chi phí XDCB dở dang 409 triệu đồng, năm 2011 có lãi 726 triệu đồng.
- **Mỏ đá Tân Cang – Đồng Nai:** Diện tích 36,89 hecta, tháng 03/2011 đã đi vào sản xuất, chi phí XDCB dở dang 14,716 tỷ đồng. Năm 2011 lỗ 4,013 tỷ đồng.
- **Mỏ đá Thạnh Phú 2 – Đồng Nai:** chi phí XDCB dở dang đến 15,942 tỷ đồng ( diện tích 33,97 hecta ). Công ty đã đưa mỏ vào hoạt động vào tháng 10/2011, năm 2011 lãi 15,9 triệu đồng.
- 9 lô đất ở Khu dân cư An Thới – Cần Thơ mua của cty địa ốc Fico các năm trước công ty đã chuyển nhượng năm 2011 lãi thu được 707,234 triệu với giá trị khi mua là 2,587 tỷ đồng.

Tổng chi phí XDCB dở dang đã thực hiện cho các dự án đầu tư còn lại đến cuối năm 2011 là 40,904 tỷ đồng.

### Các khoản đầu tư tài chính:

#### Đầu tư cổ phiếu:

- Trong năm 2011, Công ty đã bán ra 34.400 cổ phần của Cty XD và DV nhà quận 8 thu được 1,333 tỷ, lãi 1,128 tỷ đồng.
- Năm 2011 công ty vẫn thực hiện cho vay có thế chấp và lãi suất cho vay 1,7%/tháng, số tiền cho vay đến cuối năm 2011 là 8,487 tỷ đồng.
- Đến 31/12/2011, công ty còn nắm giữ 14 loại cổ phiếu ( kể cả cổ phiếu quỹ ) với tổng giá trị khi mua là 42,873 tỷ đồng ( trong đó : đầu tư ngắn hạn : 24,306 tỷ, dài hạn 18,567 tỷ ),
- Khoản dự phòng giảm giá các loại chứng khoán ngắn hạn phải trích thêm trong năm 2011 theo yêu cầu của công ty kiểm toán A&C là 4,94 tỷ đồng ( tổng số dự phòng đến cuối năm 2011 là 5,196 tỷ đồng).



Như vậy: kết quả hoạt động đầu tư tài chính năm 2010 của Công ty như sau :

*Đvt: đồng*

<b>Doanh thu :</b>	<b>9.037.655.471</b>
- Lãi tiền gửi NH :	313.471.731
- Lãi do bán chứng khoán :	1.128.104.000
- Lãi cổ tức :	1.263.118.050
- Lãi cho vay :	4.409.533.000
- Lãi chậm trả của Công ty CP	
Đầu tư VLXD Fico	1.723.428.690
- Lãi góp vốn : ( liên doanh với Cty CP Hoá An cát nhân tạo )	200.000.000
<b>-Chi phí :</b>	<b>13.572.220.249</b>
- Chi phí kinh doanh CK :	4.795.971
- Lãi vay NH :	8.090.723.633
- Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn,	
dài hạn	4.940.326.623
-Lỗ thanh lý Cty đá Thống Nhất	536.374.022

**Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết :**

Công ty đã và đang đầu tư góp vốn vào các Công ty sau ( số liệu đến 31/12/2011 ):

- Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần Hóa An cát nhân tạo: với giá trị góp vốn là 244.630.468đ, hiện công ty này đang hoạt động với kết quả kinh doanh khá tốt.
- Công ty cổ phần du lịch Phú Yên : đến cuối năm 2011 cty đã góp 2,146 tỷ đồng ( trong năm 2011 góp thêm 96 triệu đồng ), Công ty này cho đến nay hoạt động không hiệu quả.
- Công ty cổ phần xi măng Tây Ninh: Công ty đã góp vốn đến 31/12/2011 là: 34 tỷ đồng ( số đã góp thêm trong năm 2011 là 1,25 tỷ đồng ), cho đến nay công ty chưa có lợi tức từ công ty này.
- Xí Nghiệp đá Thống Nhất: đã thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tcty VLXD số 1 trong tháng 10/2011.
- Số lỗ lũy kế của XN đá Thống Nhất công ty đã trích lập dự phòng ( 60% theo tỷ lệ vốn góp ) đến 31/12/2010 là : 3,591 tỷ đồng. Tháng 10/2011 công ty đã thanh lý hợp đồng hợp tác liên doanh với Tổng công ty VLXD số 1 xác định phần lỗ đến thời điểm thanh lý công ty phải chịu là 4,128 tỷ, như vậy phần lỗ hạch toán giảm lợi nhuận cty năm 2011 là 536 triệu đồng.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Cty CP đầu tư và kinh doanh VLXD Fico : Trong năm 2011 công ty đã chuyển nhượng 7 lô đất nền ( 1.016 m2 ) trong Khu dân cư An Thới – Cần Thơ do Công ty này làm chủ đầu tư với lãi thu được là 928,695 triệu đồng ( giá trị khi mua là 2,481 tỷ đồng ).

**Phân phối lợi nhuận năm 2011:**

- Lợi nhuận sau thuế :	38.559.045.160 đồng
- Đã trả cổ tức đợt 1 ( 10% ) năm 2011 :	15.061.213.000 đồng
- Lợi nhuận còn lại năm 2011 chưa phân phối :	23.497.832.160 đồng

**Nhận xét và kiến nghị**

- Như đã trình bày ở phần trên, năm 2011 công ty không hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 đã đề ra.
- Công ty cần có biện pháp khẩn trương, tích cực đôn đốc thu hồi công nợ phải thu khó đòi để đảm bảo an toàn vốn ,tăng hiệu quả kinh doanh và luân chuyển vốn cho công ty.
- Các quyết toán đầu tư XDCB hoàn thành cần phải có quyết định thẩm tra phê duyệt của HĐQT thì mới có đủ cơ sở pháp lý để hạch toán tăng giá trị TSCĐ.
- Đề nghị các cổ đông, HĐQT và Ban điều hành xem xét và có chủ trương, tìm biện pháp rút phần vốn đang góp ở các công ty CP du lịch Phú Yên, Công ty CP xi măng Tây Ninh vì cho đến thời điểm này hoạt động của các công ty trên không mang lại hiệu quả, đồng thời có thêm vốn bổ sung cho vốn sản xuất và đầu tư, giảm lãi vay Ngân hàng, tăng lợi nhuận.
- Cần nghiên cứu các biện pháp tập trung khai thác năng lực của các mỏ mới một cách cao nhất nhằm tăng hiệu quả và có phương hướng khả thi mở rộng quy mô, diện tích các mỏ trong thời gian tới để ổn định lâu dài.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Hóa An được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ – TTg ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4703000008 ngày 08 tháng 6 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1	37.583.430.000	24,86
Các cổ đông khác	113.616.030.000	75,14
Cộng	151.199.460.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-61) 3954458 - 3954491

Fax : (84-61) 3954754

Mã số thuế : 3 6 0 0 4 6 4 4 6 4

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư kỹ thuật, thiết bị xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh hạ tầng, nhà ở, bến bãi, kho tàng;
- Nhận thầu xây lắp công trình dân dụng công nghiệp, giao thông thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển du lịch, công nghệ khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng và xuất khẩu lao động, chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 11.274.395.922 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính 2.686.975.764 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6.717.439.411 VND
- Trích quỹ khác 2.938.278.188 VND
- Chia cổ tức 30.122.426.000 VND (trong đó cổ tức đã ghi nhận năm 2010 là 15.052.410.600 VND).

Ngoài ra, Công ty còn trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước với số tiền là 285.727.204 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2011 Công ty đã tạm chi cổ tức năm 2011 với tỷ lệ chi trả 10% (1.000VND/CP).

### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Phương Tùng	Chủ tịch	25 tháng 4 năm 2003	02 tháng 8 năm 2011
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên Chủ tịch	25 tháng 4 năm 2004 08 tháng 8 năm 2011	-
Ông Trần Văn Tế	Thành viên	25 tháng 4 năm 2004	-
Ông Lại Duy Hồng	Thành viên	25 tháng 4 năm 2003	-
Bà Lê Thị Quyết	Thành viên	08 tháng 4 năm 2005	-

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Công Hạnh	Trưởng ban	25 tháng 4 năm 2003	-
Ông Phan Văn Quang	Thành viên	25 tháng 4 năm 2004	-
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên	24 tháng 4 năm 2009	-

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lại Duy Hồng	Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2004	-
Ông Trịnh Tiến Bầy	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2004	-

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Hóa An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Đinh Lê Chiến**

Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2011

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA****CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

*Kính gửi: QUÝ CỔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC - CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN*

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Hóa An gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Giới hạn về phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi không có đầy đủ thông tin để xem xét mức độ giảm giá (nếu có) tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 của các khoản đầu tư ngắn hạn có giá trị trên sổ sách là 9.337.809.400 VND (xem thuyết minh số V.2).

Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Định Fico (xem thuyết minh số V.14). Số tiền ước tính phải trích lập dự phòng trong năm 2011 và cho các năm trước lần lượt là 1.949.869.150 VND và 3.900.943.661 VND.

Công ty chưa hạch toán tiền phạt vi phạm khai thác quá độ sâu của Xí nghiệp 1 vào chi phí trong năm tài chính 2011. Số tiền ước tính 1.995.628.908 VND. Nếu được hạch toán thì lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm giá trị tương ứng.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa An tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

**Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV



**Nguyễn Ngọc Thành - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1195/KTV

TP. Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 3 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	"Mã số"	"Thuyết minh"	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>126,479,198,184</b>	<b>119,261,974,548</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17,641,224,359</b>	<b>7,830,263,014</b>
1. Tiền	111		6,641,224,359	7,830,263,014
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,000,000,000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>26,298,748,534</b>	<b>33,734,559,433</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	31,494,575,157	33,990,059,433
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5,195,826,623)	(255,500,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36,962,891,758</b>	<b>29,743,365,677</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	18,176,178,514	17,647,565,831
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	11,308,339,099	9,190,798,254
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	14,157,270,639	6,363,364,431
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6,678,896,494)	(3,458,362,839)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>34,582,212,186</b>	<b>40,645,311,868</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	35,003,042,295	41,066,141,977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(420,830,109)	(420,830,109)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10,994,121,347</b>	<b>7,308,474,556</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	31,409,879
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		105,373,920	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	10,888,747,427	7,277,064,677

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	"Mã số"	"Thuyết minh"	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>255,164,869,599</b>	<b>257,810,219,423</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>185,965,640,202</b>	<b>181,247,650,741</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	43,613,854,566	16,109,282,552
<i>Nguyên giá</i>	222		79,116,171,465	47,184,164,520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35,502,316,899)	(31,074,881,968)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	101,447,374,324	12,798,097,049
<i>Nguyên giá</i>	228		109,627,380,073	17,452,939,542
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8,180,005,749)	(4,654,842,493)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	40,904,411,312	152,340,271,140
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>54,957,524,368</b>	<b>61,063,923,433</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	8,704,470,468	8,704,470,468
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	46,253,053,900	55,950,822,982
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	-	(3,591,370,017)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14,241,705,029</b>	<b>15,498,645,249</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	14,241,705,029	15,498,645,249
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>381,644,067,783</b>	<b>377,072,193,971</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	"Mã số"	"Thuyết minh"	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>64,224,692,251</b>	<b>58,424,906,600</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62,217,847,475</b>	<b>56,568,216,474</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	34,237,949,551	30,000,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.19	6,530,416,502	11,400,573,995
3. Người mua trả tiền trước	313		521,046,597	700,391,528
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	11,954,227,205	6,722,394,280
5. Phải trả người lao động	315	V.21	4,311,960,000	5,252,577,425
6. Chi phí phải trả	316	V.22	1,336,419,598	1,579,961,055
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	3,325,828,022	912,318,191
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2,006,844,776</b>	<b>1,856,690,126</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	2,006,844,776	1,856,690,126
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>317,419,375,532</b>	<b>318,647,287,371</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>317,419,375,532</b>	<b>318,647,287,371</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	151,199,460,000	151,199,460,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	58,398,416,000	58,398,416,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(1,298,220,000)	(1,298,220,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	71,848,959,317	60,288,836,191
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	13,772,939,055	11,085,963,291
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	23,497,821,160	38,972,831,889
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>381,644,067,783</b>	<b>377,072,193,971</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	"Thuyết minh"	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2012






TRẦN SỸ PHÚC

Người lập biểu

LÊ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

LẠI DUY HỒNG

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

CHỈ TIÊU	"Mã số"	"Thuyết minh"	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	219,475,614,375	236,308,295,088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	219,475,614,375	236,308,295,088
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	137,914,110,698	146,492,521,967
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81,561,503,677	89,815,773,121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9,037,655,471	10,601,267,393
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13,572,220,249	3,079,331,126
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,090,723,633	1,283,539,999
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6,528,265,330	8,542,262,279
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	20,905,802,083	18,302,965,000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49,592,871,486	70,492,482,109
11. Thu nhập khác	31		133,357,182	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	2,686,139,150	-
13. Lợi nhuận khác	40		(2,552,781,968)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47,040,089,518	70,492,482,109
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	8,481,044,358	16,522,659,511
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38,559,045,160	53,969,822,598
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2,560	5,156

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2012

  
**TRẦN SỸ PHÚC**  
 Người lập biểu

  
**LÊ THỊ QUYẾT**  
 Kế toán trưởng

  
**LẠI DUY HỒNG**  
 Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

CHỈ TIÊU	"Mã số"	"Thuyết minh"	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47,040,089,518	70,492,482,109
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12	7,952,598,187	3,493,453,276
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 7	8,160,860,278	1,859,259,576
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4	(8,184,415,243)	(3,793,507,324)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8,090,723,633	1,283,539,999
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63,059,856,373	73,335,227,636
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9,405,512,787)	(6,718,252,611)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6,201,725,137	(14,398,221,829)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12,550,151,541	12,597,936,593
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,256,940,220	3,847,265,733
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(8,090,723,633)	(1,283,539,999)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(5,114,899,023)	(25,446,804,536)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.24	(7,598,909,590)	(6,970,453,583)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>52,858,628,238</b>	<b>34,963,157,404</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,12,13	(22,996,713,103)	(55,783,612,544)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,849,000,000)	(6,100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21,400,000,000	22,619,283,724
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(796,000,000)	(6,224,908,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2,829,905,525	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,257,430,534	(1,835,597,800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17,154,377,044)</b>	<b>(47,324,834,620)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	"Mã số"	"Thuyết minh"	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	83,342,949,551	38,300,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(79,105,000,000)	(8,300,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(30,131,239,400)	(35,134,284,600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25,893,289,849)</b>	<b>(5,134,284,600)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>9,810,961,345</b>	<b>(17,495,961,816)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>7,830,263,014</b>	<b>25,326,224,830</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>17,641,224,359</b>	<b>7,830,263,014</b>

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2012

TRẦN SỸ PHÚC

Người lập biểu

LÊ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

LẠI DUY HỒNG

Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

**4. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 176 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 169 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

*Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:*

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

*Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

##### *Loại tài sản cố định Số năm*

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 25 năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

##### *Chi phí khảo sát mỏ đá Sông Trầu*

Chi phí khảo sát mỏ đá Sông Trầu bao gồm các chi phí đền bù giải tỏa, giải phóng mặt bằng tại mỏ đá Sông Trầu. Công ty không tiến hành trích khấu hao đối với phần chi phí này vì toàn bộ đất đai và các tài sản khác liên quan đến mỏ đá Sông Trầu đang nằm trong quy hoạch chờ giải tỏa và sẽ nhận đền bù theo dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí phát sinh cho việc mở rộng mỏ đá Thường Tân và chi phí sửa chữa thiết bị quản lý ở Xí nghiệp 1 được phân bổ căn cứ theo thời hạn sử dụng ước tính.

#### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho nhân viên đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp thôi việc là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### 12. Nguồn vốn kinh doanh

#### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### 14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn điều lệ Công ty
• Quỹ khen thưởng	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	1%	

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đã được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### 17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

*Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### 19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.730.121.175	3.938.150.864
Tiền gửi ngân hàng	3.911.103.184	3.892.112.150
Các khoản tương đương tiền (*)	11.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.641.224.359</b>	<b>7.830.263.014</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		23.007.587.741		23.007.587.741
Công ty xuất nhập khẩu Khánh Hội	9	322.341	9	322.341
Công ty cổ phần xây dựng trang trí kiến trúc ADC	1.301.112	11.131.736.000	1.301.112	11.131.736.000
Tổng công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Foodinco (*)	85.969	510.000.000	85.969	510.000.000
Công ty cổ phần đầu tư – công nghiệp Sài Gòn (*)	62.250	600.000.000	62.250	600.000.000
Công ty cổ phần giống cây trồng Nha Hồ (*)	108.740	1.075.809.400	108.740	1.075.809.400
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp (*)	120.000	3.252.000.000	120.000	3.252.000.000
Công ty cổ phần thương mại - xây dựng (*)	260.000	3.900.000.000	260.000	3.900.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ FPT	15.250	-	15.250	-
Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại (PPC)	195.000	2.537.000.000	195	2.537.000.000
Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam	14	720.000	14	720.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	8.486.987.416	-	10.982.471.692
Cho nhân viên Công ty vay	-	8.486.987.416	-	10.982.471.692
<b>Cộng</b>		<b>31.494.575.157</b>		<b>33.990.059.433</b>

(\*) Các chứng khoán này không có giá thị trường tham chiếu và Công ty cũng chưa thu thập được Báo cáo tài chính của những đơn vị này nên Công ty không thể xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn(*)	(1.212.950.000)	(255.500.000)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	(3.982.876.623)	-
<b>Cộng</b>	<b>(5.195.826.623)</b>	<b>(255.500.000)</b>

(\*) Dự phòng giảm giá khoản đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(255.500.000)	(353.125.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.940.326.623)	(255.550.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	353.125.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>(5.195.826.623)</b>	<b>(255.550.000)</b>

**4. Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng có tư cách pháp nhân	13.721.015.369	13.496.128.245
Khách hàng không có tư cách pháp nhân	4.455.163.145	4.151.437.586
<b>Cộng</b>	<b>18.176.178.514</b>	<b>17.647.565.831</b>

**5. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp có tư cách pháp nhân	8.635.319.743	6.181.457.403
Nhà cung cấp không có tư cách pháp nhân	2.673.019.356	3.009.340.851
<b>Cộng</b>	<b>11.308.339.099</b>	<b>9.190.798.254</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**6. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu của các khoản cho cá nhân vay ngắn hạn	4.868.823.820	3.940.630.770
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	97.873.568	56.561.246
Quý khen thưởng, phúc lợi chi vượt	851.564.828	270.094.649
Tổng công ty vật liệu xây dựng số 1	1.844.235.000	434.109.484
Công ty cổ phần đầu tư vật liệu xây dựng FiCo	409.766.940	-
Phải thu Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 - tiền đầu tư vào xí nghiệp đá thống nhất (mỏ đá Sông Trầu)	4.901.156.532	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	670.000.000	-
Các khoản phải thu khác	513.849.951	1.661.968.282
<b>Cộng</b>	<b>14.157.270.639</b>	<b>6.363.364.431</b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản phải thu khách hàng	(3.569.579.551)	(2.411.686.630)
Các khoản phải thu khác	(3.109.316.943)	(1.046.676.209)
<b>Cộng</b>	<b>(6.678.896.494)</b>	<b>(3.458.362.839)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.458.362.839)	(2.421.953.183)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.696.198.382)	(1.036.409.656)
Hoàn nhập trong năm	1.475.664.727	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(6.678.896.494)</b>	<b>(3.458.362.839)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu tồn kho	1.165.614.258	1.195.495.103
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.076.102.486	30.859.882.868
Thành phẩm	10.761.325.551	9.010.764.006
<b>Cộng</b>	<b>35.003.042.295</b>	<b>41.066.141.977</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho.

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	9.991.500.427	7.277.064.677
Khoản ký quỹ phục hồi môi trường	897.247.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.888.747.427</b>	<b>7.277.064.677</b>

(\*) Tạm ứng cho nhân viên và các đội sản xuất của Công ty.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	29.326.870.274	4.327.988.919	773.550.651	47.184.164.520
Mua sắm mới	1.459.743.000	-	38.609.090	1.498.352.090
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.850.863.542	-	-	30.933.654.855
Giảm do Công ty cổ phần U-Na hỗ trợ chi phí làm đường vào mỏ đá Thường Tân	-	-	-	(500.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>41.637.476.816</b>	<b>4.327.988.919</b>	<b>812.159.741</b>	<b>79.116.171.465</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng</i>	<i>2.575.153.481</i>	<i>1.431.320.503</i>	<i>624.085.571</i>	<i>5.267.560.581</i>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	22.699.493.246	2.177.661.125	648.432.762	31.074.881.968
Khấu hao trong năm	2.482.141.681	563.151.790	84.853.559	4.427.434.931
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.181.634.927</b>	<b>2.740.812.915</b>	<b>733.286.321</b>	<b>35.502.316.899</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	6.627.377.028	2.150.327.794	125.117.889	16.109.282.552
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.455.841.889</b>	<b>1.587.176.004</b>	<b>78.873.420</b>	<b>43.613.854.566</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí khảo sát mỏ đá Sông Trầu	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	13.778.606.977	3.674.332.565	17.452.939.542
Mua sắm mới	1.646.547.483	-	1.646.547.483
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	90.527.893.048	-	90.527.893.048
<b>Số cuối năm</b>	<b>105.953.047.508</b>	<b>3.674.332.565</b>	<b>109.627.380.073</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.424.261.215	2.230.581.278	4.654.842.493
Khấu hao trong năm	3.525.163.256	-	3.525.163.256
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.949.424.471</b>	<b>2.230.581.278</b>	<b>8.180.005.749</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	11.354.345.762	1.443.751.287	12.798.097.049
<b>Số cuối năm</b>	<b>100.003.623.037</b>	<b>1.443.751.287</b>	<b>101.447.374.324</b>

## 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mỏ đá Núi Gió	15.534.374.653	2.643.209.154	(17.669.968.812)	(78.500.000)	429.114.995
Mỏ đá Thường Tân	7.753.236.415	2.663.000.000	-	(600.000.000)	9.816.236.415
Mỏ đá Tân Cang 3	61.550.687.231	438.282.364	(40.712.317.863)	(6.560.125.455)	14.716.526.277
Mỏ đá Thiện Tân	64.914.472.841	14.107.322.012	(63.079.261.228)	-	15.942.533.625
Quyền sử dụng đất tại Cần Thơ	2.587.500.000	-	-	(2.587.500.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>152.340.271.140</b>	<b>19.851.813.530</b>	<b>(121.461.547.903)</b>	<b>(9.826.125.455)</b>	<b>40.904.411.312</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Tân Định Fico (i)	843.984	8.459.840.000	843.984	8.459.840.000
Công ty Cổ phần Hóa An cát nhân tạo (ii)		244.630.468		244.630.468
<b>Cộng</b>		<b>8.704.470.468</b>		<b>8.704.470.468</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0301146997 ngày 13 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Tân Định Fico 8.459.840.000 VND, tương đương 28,13% vốn điều lệ.

(ii) Công ty cổ phần Hóa An cát nhân tạo hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000471 ngày 25 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp với vốn điều lệ là 3.000.000.000 VND, trong đó Công ty cổ phần Hóa An chiếm 20% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty cổ phần Hóa An đã đầu tư 244.630.468 VND tương đương 8,15% vốn điều lệ.

## 15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		10.107.054.000		10.312.250.000
- Công ty cổ phần địa ốc Chợ Lớn (RCL)	185.600	1.107.054.000	145.000	1.312.250.000
- Công ty cổ phần gạch ngói Đồng Nai	675.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
Đầu tư trái phiếu		41.000.000	41	41.000.000
- Trái phiếu giao thông	5	5.000.000	5	5.000.000
- Trái phiếu chính phủ	36	36.000.000	36	36.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		36.145.999.900		45.597.572.982
- Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh		33.999.999.900		32.749.999.900
- Công ty cổ phần du lịch Phú Yên		2.146.000.000		2.050.000.000
- Hợp tác kinh doanh mỏ đá Sông Trầu		-		8.316.501.082
- Hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico		-		2.481.072.000
<b>Cộng</b>		<b>46.253.053.900</b>		<b>55.950.822.982</b>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần địa ốc Chợ Lớn: tăng do nhận được 75.000 cổ phiếu cổ tức và giảm do bán 34.400 cổ phiếu.
- Công ty cổ phần du lịch Phú Yên: tăng do đầu tư thêm.
- Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh: tăng do đầu tư thêm.
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico: giảm do thanh lý hợp đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**16. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.591.370.017)	(2.670.895.097)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(920.474.920)
Thanh lý khoản đầu tư	3.591.370.017	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>(3.591.370.017)</b>

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối năm
Chi phí bốc đất tăng phủ	1.979.796.988	5.322.672.566	(2.527.342.032)	4.775.127.522
Đền bù nhà dân năm 2010-2011	98.835.075	-	(98.835.075)	-
Sửa chữa 2 đầu cần sản phẩm xí nghiệp 1	198.460.651	-	(198.460.651)	-
Chi phí quyền sử dụng đất ở Xí nghiệp 1, diện tích 2,28 ha	13.150.064.534	-	(4.383.354.841)	8.766.709.693
Hệ thống chống sét lan truyền Xí nghiệp 1	38.076.000	-	(38.076.000)	-
Hệ thống tiếp địa Xí nghiệp 1	33.412.001	-	(33.412.001)	-
Chi phí làm đường vào mỏ	-	928.636.365	(228.768.551)	699.867.814
<b>Cộng</b>	<b>15.498.645.249</b>	<b>6.251.308.931</b>	<b>(7.508.249.151)</b>	<b>14.241.705.029</b>

**18. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	34.237.949.551	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.237.949.551</b>	<b>30.000.000.000</b>

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác mỏ đá Tân Cang 3 và mỏ đá Thiện Tân.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - chi nhánh Đồng Nai	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Ngân hàng Đầu tư phát triển - chi nhánh Đồng Nai	30.000.000.000	73.342.949.551	(69.105.000.000)	34.237.949.551
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Đồng Nai	-	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>83.342.949.551</b>	<b>(79.105.000.000)</b>	<b>34.237.949.551</b>

**19. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp có tư cách pháp nhân	4.684.755.500	7.715.577.716
Nhà cung cấp không có tư cách pháp nhân	1.845.661.002	3.684.996.279
<b>Cộng</b>	<b>6.530.416.502</b>	<b>11.400.573.995</b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	654.732.750	9.813.381.201	(10.240.917.106)	227.196.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.219.640.457	8.481.044.358	(5.114.899.023)	8.585.785.792
Thuế thu nhập cá nhân	-	138.480.151	(129.559.093)	8.921.058
Thuế tài nguyên	612.034.096	7.874.945.067	(5.354.655.653)	3.132.323.510
Tiền thuê đất	-	1.768.532.888	(1.768.532.888)	-
Phí bảo vệ môi trường (*)	235.986.977	1.407.252.180	(1.748.613.077)	(105.373.920)
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>6.722.394.280</b>	<b>29.490.635.845</b>	<b>(24.364.176.840)</b>	<b>11.848.853.285</b>

(\*) Phí bảo vệ môi trường nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%. Riêng đối với thu nhập từ mỏ đá Núi Gió tại xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.040.089.518	70.492.482.109
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.686.139.150	543.434.790
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.263.118.050)	(1.323.891.800)
Tổng thu nhập tính thuế	48.463.110.618	69.712.025.099
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>12.115.777.655</b>	<b>17.428.006.275</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của những năm trước</b>	<b>-</b>	<b>(905.346.764)</b>
<b>Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính</b>	<b>(3.634.733.297)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>8.481.044.358</b>	<b>16.522.659.511</b>

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá xây dựng với thuế suất là 6% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 (trước đó là 5%).

**Tiền thuê đất**

Công ty nộp theo qui định tại các hợp đồng thuê đất.

Tuy nhiên, theo qui định tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư ngày 16 tháng 10 năm 2000 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Công ty được miễn tiền thuê đất 13 năm kể từ khi ký kết hợp đồng thuê đất (ngày 18 tháng 01 năm 2008) đối với diện tích đất thuê để thực hiện dự án đầu tư khai thác và sản xuất đá xây dựng công suất 250.000 m<sup>3</sup>/ năm tại mỏ đá Núi Gió, tại xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

**Phí bảo vệ môi trường**

Phí bảo vệ môi trường được trích và nộp theo Nghị định 63/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**21. Phải trả người lao động**

Quý tiền lương còn phải trả cho người lao động.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**22. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí phục hồi môi trường	1.040.657.094	1.040.657.094
Trích trước chi phí vật tư máy nghiền	103.139.978	258.116.180
Các chi phí phải trả khác	192.622.526	281.187.781
<b>Cộng</b>	<b>1.336.419.598</b>	<b>1.579.961.055</b>

Chi phí phục hồi môi trường được trích theo số liệu đã được chấp thuận tại Công văn 11/TC/TCDN ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quý đào tạo lại người lao động chưa chi	158.506.375	158.506.375
Quý Hội đồng quản trị	91.100.000	151.100.000
Kinh phí công đoàn	137.758.014	27.237.690
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	56.754.795	17.607.531
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	370.000.000	370.000.000
Phạt vi phạm khai thác quá độ sâu cho phép	2.341.326.058	-
Các khoản phải trả khác	170.382.780	187.866.595
<b>Cộng</b>	<b>3.325.828.022</b>	<b>912.318.191</b>

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	422.083.202	5.373.951.529	(5.469.410.000)	326.624.731
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.200.000	300.000.000	(299.019.000)	2.181.000
Quỹ phúc lợi	(1.129.544.851)	1.343.487.882	(1.830.480.590)	(1.616.537.559)
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	436.167.000	-	-	436.167.000
<b>Cộng</b>	<b>(270.094.649)</b>	<b>7.017.439.411</b>	<b>(7.598.909.590)</b>	<b>(851.564.828)</b>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt đầu năm và cuối năm được trình bày ở chỉ tiêu các khoản phải thu khác (thuyết minh V.6).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.856.690.126	1.790.576.615
Trích trong năm	166.809.600	142.023.336
Chi trong năm	(16.654.950)	(75.909.825)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.006.844.776</b>	<b>1.856.690.126</b>

**26. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 38.

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	15.070.015.400	20.081.874.000
Tạm ứng cổ tức	15.061.224.000	15.052.410.600
<b>Cộng</b>	<b>30.131.239.400</b>	<b>35.134.284.600</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.119.946	15.119.946
- Cổ phiếu phổ thông	15.119.946	15.119.946
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(58.600)	(58.600)
- Cổ phiếu phổ thông	(58.600)	(58.600)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.061.346	15.061.346
- Cổ phiếu phổ thông	15.061.346	15.061.346
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	219.475.614.375	236.308.295.088
- Doanh thu bán thành phẩm	216.637.205.283	235.893.385.992
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	250.909.092	414.909.096
- Doanh thu khác	2.587.500.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>219.475.614.375</b>	<b>236.308.295.088</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	216.637.205.283	235.893.385.992
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	250.909.092	414.909.096
- Doanh thu khác	2.587.500.000	-

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	135.326.610.698	146.492.521.967
Giá vốn khác	2.587.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>137.914.110.698</b>	<b>146.492.521.967</b>

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	13.819.316.243	32.282.168.540
Chi phí nhân công	6.269.450.901	6.176.043.723
Chi phí sản xuất chung	109.204.624.717	120.162.805.594
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>129.293.391.861</b>	<b>158.621.017.857</b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.783.780.382	(8.593.777.270)
<b>Tổng giá thành sản xuất</b>	<b>137.077.172.243</b>	<b>150.027.240.587</b>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(1.750.561.545)	(3.534.718.620)
<b>Cộng</b>	<b>135.326.610.698</b>	<b>146.492.521.967</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	313.471.731	834.815.593
Lãi tiền cho vay	4.409.533.000	1.710.407.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.128.104.000	6.592.153.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.263.118.050	1.323.891.800
Lãi góp vốn	200.000.000	140.000.000
Lãi tiền chậm trả của Công ty cổ phần đầu tư vật liệu xây dựng Fico	1.723.428.690	-
<b>Cộng</b>	<b>9.037.655.471</b>	<b>10.601.267.393</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.090.723.633	1.283.539.999
Chi phí kinh doanh chứng khoán	3.394.475	29.687.876
Lỗ bán chứng khoán	-	933.360.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(353.125.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.940.326.623	1.175.974.920
Chi phí tài chính khác	1.401.496	9.893.331
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	536.374.022	-
<b>Cộng</b>	<b>13.572.220.249</b>	<b>3.079.331.126</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	42.750.000
Chi phí nhân công	1.750.284.530	2.128.259.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.231.127	5.768.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.950.493	405.643.990
Chi phí khác	4.457.799.180	5.959.840.317
<b>Cộng</b>	<b>6.528.265.330</b>	<b>8.542.262.279</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.657.181	28.001.000
Chi phí nhân công	3.906.031.108	4.003.434.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	537.765.828	613.716.964
Chi phí dự phòng	3.220.533.655	1.036.409.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.740.864.660	6.998.370.784
Chi phí khác	6.460.949.651	5.623.032.579
<b>Cộng</b>	<b>20.905.802.083</b>	<b>18.302.965.000</b>

**7. Chi phí khác**

Tiền phạt khai thác quá độ sâu.

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.559.045.160	53.969.822.598
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.559.045.160	53.969.822.598
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.061.346	10.467.450
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.560</b>	<b>5.156</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.858.973.424	32.352.919.540
Chi phí nhân công	16.081.252.597	18.023.218.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.952.598.187	3.493.453.276
Chi phí dự phòng	3.220.533.655	1.036.409.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.725.595.043	97.372.102.684
Chi phí khác	30.892.877.460	33.188.141.935
<b>Cộng</b>	<b>154.731.830.366</b>	<b>185.466.245.136</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Áp dụng qui định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.7 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	948.931.000	881.681.000
Tiền thưởng	340.716.000	314.309.000
Thù lao Hội đồng quản trị	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.689.647.000</b>	<b>1.595.990.000</b>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Hóa An cát nhân tạo	Công ty liên kết

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty cổ phần Hóa An cát nhân tạo</b>		
Bán hàng	32.289.395.736	38.854.528.597
Lãi góp vốn	200.000.000	-
<b>Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1</b>		
Cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	2.588.665.000	-
Xử lý khoản đầu tư hợp tác kinh doanh vào xí nghiệp đá Thống Nhất (mỏ đá Sông Trầu)	4.901.156.532	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 01</b>		
Lãi cho vay ngắn hạn	1.844.235.000	434.109.484
Xử lý khoản đầu tư hợp tác kinh doanh vào xí nghiệp đá Thống Nhất	4.901.156.532	-
<b>Công ty cổ phần Hóa An cát nhân tạo</b>		
Phải thu tiền hàng	4.202.929.259	6.784.593.948
Cộng nợ phải thu	10.948.320.791	7.218.703.432

**3. Thông tin về bộ phận****Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác đá.

**Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam (khu vực Miền Đông Nam bộ).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.641.224.359	7.830.263.014	17.641.224.359	7.830.263.014
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	76.752.162.109	83.816.011.174	76.752.162.109	83.816.011.174
<b>Trong đó:</b>				
<i>Các khoản đầu tư dài hạn</i>	<i>54.957.524.368</i>	<i>61.063.923.433</i>	<i>54.957.524.368</i>	<i>61.063.923.433</i>
<i>Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>	<i>21.794.637.741</i>	<i>22.752.087.741</i>	<i>21.794.637.741</i>	<i>22.752.087.741</i>
Các khoản cho vay	4.504.110.793	10.982.471.692	4.504.110.793	10.982.471.692
Phải thu khách hàng	14.606.598.963	15.235.879.201	14.606.598.963	15.235.879.201
Các khoản phải thu khác	11.945.200.696	5.316.688.222	11.945.200.696	5.316.688.222
<b>Cộng</b>	<b>125.449.296.920</b>	<b>123.181.313.303</b>	<b>125.449.296.920</b>	<b>123.181.313.303</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	34.237.949.551	30.000.000.000	34.237.949.551	30.000.000.000
Phải trả cho người bán	6.530.416.502	11.400.573.995	6.530.416.502	11.400.573.995
Phải trả người lao động	4.311.960.000	5.252.577.425	4.311.960.000	5.252.577.425
Chi phí phải trả	1.336.419.598	1.579.961.055	1.336.419.598	1.579.961.055
Các khoản phải trả khác	5.332.672.798	2.769.008.317	5.332.672.798	2.769.008.317
<b>Cộng</b>	<b>51.749.418.449</b>	<b>51.002.120.792</b>	<b>51.749.418.449</b>	<b>51.002.120.792</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

**5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Các khoản cho vay**

Công ty cho các nhân viên Công ty vay tiền. Công ty đã xem xét sự suy giảm khả năng trả nợ và trích lập dự phòng đầy đủ.

**6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	34.237.949.551	-	-	34.237.949.551
Phải trả cho người bán	6.530.416.502	-	-	6.530.416.502
Phải trả người lao động	4.311.960.000	-	-	4.311.960.000
Chi phí phải trả	1.336.419.598	-	-	1.336.419.598
Các khoản phải trả khác	3.325.828.022	2.006.844.776	-	5.332.672.798
<b>Cộng</b>	<b>49.742.573.673</b>	<b>2.006.844.776</b>	<b>-</b>	<b>51.749.418.449</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phải trả cho người bán	11.400.573.995	-	-	11.400.573.995
Phải trả người lao động	5.252.577.425	-	-	5.252.577.425
Chi phí phải trả	1.579.961.055	-	-	1.579.961.055
Các khoản phải trả khác	912.318.191	1.856.690.126	-	2.769.008.317
<b>Cộng</b>	<b>49.145.430.666</b>	<b>1.856.690.126</b>	<b>-</b>	<b>51.002.120.792</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
<b>Năm nay</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	+ 2	(359.498.470)
	- 2	359.498.470
<b>Năm trước</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	+ 2	(450.000.000)
	- 2	450.000.000

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 8. Điều chỉnh sai sót năm trước

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	244.630.468	8.459.840.000	8.704.470.468	(i)
Đầu tư dài hạn khác	258	64.410.662.982	(8.459.840.000)	55.950.822.982	(i)

(i) Trình bày khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng Tân Định Fico từ chỉ tiêu đầu tư dài hạn khác sang chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết. Do Công ty cổ phần Hóa An nắm giữ trên 20% vốn điều lệ Công ty cổ phần xây dựng Tân Định Fico.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2012

TRẦN SỸ PHÚC

Người lập biểu

LÊ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

LẠI DUY HỒNG

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Trụ sở chính : Ấp Cầu Hàng - Xã Hóa An - TP. Biên Hòa- Tỉnh Đồng Nai

Tel : 061-3954491 - 061-3954458 -061-3954754

Fax : 061-3954754

Website : [www.hoan.com.vn](http://www.hoan.com.vn)

Email : [info@hoan.com.vn](mailto:info@hoan.com.vn)